

NÓI LÁI: Một dạng đặc biệt trong tiếng Việt

TS Nguyễn Hữu Phước

Dẫn nhập: Buổi hội ngộ hiếm có

Vào đầu thập niên 1990, Tiến Sĩ Lê Văn, lúc đó là Cố Vấn cho Bộ Giáo Dục California, có tổ chức một buổi hội thảo về “Những chuyện vui trên đường hội nhập vào xã hội Hoa Kỳ (HK)”. Diễn giả gồm nhiều giáo chức Việt Nam cư ngụ rải rác nhiều nơi ở HK và Canada. Tôi được tham dự với tư cách một thuyết trình viên. Sau một ngày hội thảo, chia xẻ những mẩu chuyện vui với các hội thảo viên, chúng tôi có dịp dùng cơm tối chung do ban tổ chức khoản đãi. Tôi ngồi cạnh Giáo Sư Nguyễn Đình Hòa. Thật là một buổi hội ngộ hiếm có của một số đồng nghiệp cũ.

Câu chuyện trong bàn ăn là những chuyện hàn huyên xen lẫn với nhiều chuyện vui trên đường định cư. Tôi kể ra một số những tiếng lái, câu lái và những lối nói lái gọi là góp phần trong một buổi tiệc hiếm có. Lẽ dĩ nhiên là có một vài tiếng lái và một vài câu lái không được thanh tao lắm. Nhưng các đồng nghiệp trong bàn có vẻ vui vẻ vì câu chuyện nói lái. Điều đặc biệt là GS Hòa có vẻ cũng thích những câu nói lái. Ông lấy bút, giấy ra, bảo tôi “bớt ga xăng” để ông ghi chép. Tôi nói với ông là còn nhiều câu khác mà tôi có nghe đến, có vẻ kém lịch sự hơn vì trắng trợn hơn. Ông nói không sao, chúng ta đang học hỏi, chia xẻ những chuyện vui, ghi lại những gì mình biết là điều tốt trong việc lược lặt những mẩu chuyện do dân chúng truyền khẩu. Tôi nổi hứng hứa liệu: GS khỏi ghi chép, tôi sẽ viết thành một bài gửi đến GS để đăng báo nào cũng được. Ông nói gửi đến Ông hay gửi cho báo nào cũng chẳng sao, miễn là nhớ ghi lại và phổ biến để góp phần cho vui.

Rồi thời gian trôi qua, cuộc sống quá bận rộn, và rồi tháng này chầy tháng khác, năm nợ kéo năm kia, và nghề nghiệp lại không dính dáng gì tới khung cảnh nghiên cứu, tôi đành tự nhủ là khi nào rảnh rỗi sẽ viết. Rồi tôi lại nghe nói GS về California. Cùng với một số giáo sư khác như GS Lê Văn, GS Nguyễn Khắc Hoạch v.v., ông mở Viện Việt Học. Và sau đó tôi đọc tin GS Hòa

qua đời. Tôi cảm tờ báo có cáo phó, ngẩn ngơ. Món nợ tinh thần này làm sao trả được.

Cách đây vài năm (2000), tôi về hưu, rời vùng South Pasadena, và định cư ở Orange County. Giờ đây tôi có một số giờ nhàn rỗi nên tôi cố gắng viết lại bài “nói lái” này và giao nó cho GS Lê Văn*, cố vấn của Viện Việt Học. Người anh khả kính này đã là “xếp” của tôi, và nhà tôi, trong nhiều năm ở Đại Học Sư Phạm Saigon. Hơn nữa, Tiến Sĩ Nguyễn thị Bảo Xuyên (bà Lê Văn) lại là Phó Viện Trưởng Viện Việt Học. Như vậy tôi đã có dịp làm tròn lời hứa với GS Hòa một cách gián tiếp, và cũng để góp chút xíu những điều lược lặt nói lên sự phong phú và tính cách đa dạng của tiếng Việt.

(* GS Lê Văn qua đời vào cuối năm 2009, khi chúng tôi edit lại bài này để gửi đến Web NKLT)

Nói lái và văn tiếng lái

Không biết văn nói lái hoặc việc dùng tiếng lái trong văn nói và văn viết có từ bao giờ. Riêng tôi, tôi đã nghe, bắt chước và dùng nói lái từ lúc còn học tiểu học vào thập niên 1940. Sau này đọc sách mới biết rằng lối nói lái đã được dùng từ lâu hơn tôi tưởng. Người ta nói lái để chơi chữ, để bông đùa giữa bạn bè với nhau, để châm biếm vô hại một sự việc gì đó cho vui, hoặc châm biếm một người khác mà không dám nói trực tiếp. Ngay cả trong việc đặt tên hiệu hoặc thương hiệu cũng có dùng tiếng lái như trường hợp của nhà thơ Thế Lữ với tên thật là Nguyễn Thứ Lễ. Thế Lữ là tiếng lái của Thứ Lễ.

Tôi xin thưa trước: **Những chuyện cười thì phải có người nói và người nghe.** Người nói phải có tài nói chuyện vui. Phải lựa chuyện cho đúng với thành phần thính hay khán giả thì câu chuyện mới được thưởng thức. Còn nên viết chuyện cười để cho thiên hạ đọc thì chưa chắc tất cả người đọc đều cười và đôi khi còn nghe chê là chuyện cười này hay chuyện cười kia “dở ẹt”. Nhưng cũng câu chuyện dở ẹt đó mà do một người có tài kể, và kể đúng lúc, đúng trường hợp thì lại là chuyện hay.

Cũng y vậy, đã gọi là “nói lái” thì phải nói đúng chuyện, đúng lúc, đúng nơi, đúng với thành phần thính giả thì may ra mới được thưởng thức. Nhưng vì đây là bài sưu khảo nên tôi phải viết tất cả những chuyện gì mà tôi có thể ghi lại

theo trí nhớ, hoặc ghi ra từ những tài liệu khác. **Đọc bài nói lái chắc chắn là để nhằm chán hơn là nghe nói lái. Xin quý vị chịu khó đọc hết để thấy nhiều dạng khác nhau của việc nói lái.**

Nói lái trong một số sách vở

Từ đoạn này trở về sau, “chữ” (còn gọi là “từ” hay “nhóm chữ” (cụm từ)), hoặc câu thơ nào có thể viết tiếng lái ra, tôi sẽ viết. *Nếu cảm thấy bất tiện vì tiếng lái có vẻ quá “tả chân” hay gọi là không được thanh tao, tôi xin miễn viết ra để gọi là tôn trọng cả những người cho rằng không nên viết những từ có vẻ... quá trớn.* Tôi chỉ tô đậm, hoặc gạch dưới những từ có thể hiểu theo nghĩa lái, hoặc không gạch dưới gì cả.

Nói lái tiếng Pháp

Ông Lãng Nhân, trong quyển Chơi Chữ (5) có nhắc chuyện nói lái bằng tiếng Pháp. Chuyện rằng, có một cặp vợ Việt, chồng Pháp vào hàng tranh sơn mài. Vì chủ nhân nói thách quá nên vợ rĩ tai chồng: “très chaud, très chaud (nghĩa đen: nóng quá, nóng quá). Chồng lật đật chọn tranh, trả tiền nhanh để ra ngoài cho bà vợ được mát hơn. Vợ trách chồng khi ra khỏi cửa “Đã bảo đắt quá mà còn mua”. Chồng nói là có thấy vợ kêu đắt đâu. Vợ bảo có nói rồi “très chaud” là “trop cher” (mắc quá). Bà ấy đã nói lái theo kiểu VN, chắc chắn là “bỏ” của anh chồng cũng không hiểu được.

Nói lái cho vui về nguồn gốc của một người

Ông Nguyễn Ngọc Huy, trong quyển Tên Họ Người Việt Nam (8), có thuật câu chuyện đại khái như sau:

Ngày xưa có nhiều người VN từ miền Trung tiếp tục vào Nam lập nghiệp. Dân Nam, vì không biết rõ địa lý miền Trung, gọi chung những người mới vào sau là “người Huế”. Có nhiều người Huế làm nghề thầy lang lưu động. Một thầy lang nọ tuy còn trẻ, nhưng mát tay đã chữa lành cho một phú hộ. Ông phú hộ cảm ơn thầy lang bằng cách gả con cho thầy. Ông lại giúp vốn cho mở tiệm thuốc bắc. Chú rể nhờ cha vợ đặt tên cho hiệu thuốc của mình. Ông cha vợ đặt tên tiệm là “Thế Hoàng Dược Phòng”. Ông giải thích cho rể đại ý là nó làm việc cứu người

nên đời mở rộng ra (thế = đời; hoàng = rộng). Chú rể rất hài lòng.

Khi có người khác hỏi ý nghĩa của hai chữ đó, ông cười và nói : Rể tôi là người Huế, tôi đặt hiệu tiệm Thế Hoàng là để nhắc cho nó nhớ gốc gác nó là Thăng Huế. (Trong trường hợp này nguyên âm “o” trong chữ “hoàng” đã được thay thế bằng nguyên âm “u” trong chữ “Huế”. Đây chỉ là đọc cho thuận tai mà thôi, chớ lúc nói lái không ai nghĩ đến việc thay đổi nguyên âm hay phụ âm, hoặc thay đổi “dấu” gì cả.

Nói lái vì tục cũ tên

Cũng trong quyển sách trên, GS Huy còn nhắc đến một câu chuyện “nói lái” khác do tục cũ tên mà có. Ngày xưa, thời chữ nho còn thịnh, dân Việt có tục cũ tên hay còn gọi là kỵ húy. Thí sinh của các kỳ thi trước năm 1920 là những nạn nhân đầu tiên. Nếu bài làm không tránh những tên cấm kỵ thì chẳng những bị đánh rớt mà còn có thể bị các biện pháp chế tài khác. Nạn nhân thứ hai là những người cầm bút. Và nạn nhân thứ ba là các gánh hát. Tục cũ tên ảnh hưởng sâu rộng trong dân chúng. Theo GS Huy thì dân chúng đã phản ứng lại bằng cách dùng tiếng lái.

Số là vào những thập niên 1940-50 có những đoàn hát bội lưu động đi hát ở các miền thuộc “Lục Tỉnh”. Trước khi đến một vùng nào thì bầu gánh phải lấy danh sách của các chức sắc nơi đó để khi hát, những diễn viên phải tránh tên trong danh sách đó hay đọc trại đi. Thí dụ tên của ông cai tổng là Nguyễn thì khi hát, tất cả những chữ “nguyên” đều được đổi ra “ngươn” vì tên Nguyễn phải cử để tỏ sự kính trọng.

Có một gánh hát đến một làng nọ để hát trong dịp lễ “kỳ yên.” Các vị hương chức trong xã họp bàn về việc cử tên. Hội đồng xã đồng ý là để cho tuồng hát được hay, miễn cho đoàn hát khỏi cử tên các chức sắc, trừ tên hai anh em của hai vị hào mục tên Hòa và tên Hóa. Hai ông này rất hách dịch, nhứt định là đoàn hát phải cử tên của hai ông. Những người trong gánh đồng ý.

Nhưng để chơi xỏ hai ông này, họ thêm một màn diễn. Trong màn này có hai người đối đáp, một người đóng vai lính. Người kia hỏi là trong quân ngũ, lính được ăn món gì thường xuyên. Anh lính đáp: “Hoặc ăn cà, hoặc ăn cá.”

“Những người lanh trí hiểu đó là câu nói lái để móc họng ông Hòa và ông Hóa đều ôm bụng cười, trong khi hai ông này giận muốn hộc máu mà không làm gì được gán hát.” (8) (Xin thưa thêm cho rõ nghĩa: hoặc ăn cà = Hòa ăn c.t; hoặc ăn cá = Hóa ăn c.t.)

Tiếng lái có nghĩa riêng

Trong một video mà ông Nam Lộc và cô Nguyễn Cao Kỳ Duyên là MC (rất tiếc không nhớ video tên gì), ông Nam Lộc phỏng vấn ca sĩ Chế Linh. Ông có hỏi ca sĩ rằng hồi ở Saigon, những người ngưỡng mộ có gọi đùa ca sĩ **Chế Linh** là ca sĩ **“Lính Chê”**, ca sĩ Chế Linh có giận không? Ca sĩ Chế Linh trả lời là ông được miễn dịch (lính chê) vì là thuộc sắc tộc thiểu số Chăm, và không phiền hà gì với tên riêng đó. Tôi chắc là ông Nam Lộc cũng thừa biết là từ “lính chê” là tiếng lái của Chế Linh. Tiếng lái này lại trùng hợp với tình trạng quân dịch của ca sĩ Chế Linh.

Nói lái đơn giản về người, thú vật và những chuyện hằng ngày

Trong video Vân Sơn số 3, trong hài kịch Ông Ninh Ông Nang (12) (không thấy đề tên tác giả) có một phần đối đáp sau đây giữa các hài kịch viên toàn là câu lái, rất đơn giản và rất dễ hiểu về thú vật (cá, chim, chó, mèo), về người (bà già, ông già, trẻ em, cô dâu, chú rể) và các điều khác.

Con **cá đối** nằm trên **cối đá**;
Mèo **đuôi cụt** nằm **mụt đuôi kẻo**
Chim **mỏ kiền** nằm trên **miếng cỏ**;
Chim **vàng long** đá tại **vòng lang**
Chim **sáo sọc** chệ anh **sóc sạo**;
Con chó **què chân** bị cái **quần che**
Cô bé **mập ú** là nhờ **mụ áp**;
Thằng nhỏ **ôm tong** vác cái **ống tôm**
Chiều chiều **cụ Mỗ** lên rừng **cạo mũ**;
Sáng sớm **bà Hạt** đi bán **bạt hà**
Cô nàng **dâu hứa** đi mua **dưa hấu**;
Chàng rể **bảnh trai** ngồi tại **bãi tranh**
Người mặc áo xanh chính là **anh sáu**;
Miếng thịt **bấm nát** trong bụng **bác năm**
Anh chàng **sức môi** ngồi ăn **xôi mực** ;
Cô gái **mồm to** lặn lội **mò tôm**
Nhờ cái **búa đồ** chẻ thành **bó đũa**;
Cái nồi **cơm thiêu** lại dấm **kêu thơm**

Tám hình **lộng kiền** ai đem **liêng công**;
Cô gái **muốn chồng** ngó cái **mổng chuồng**.”

Đền đây đã hết những câu lái trong Video Vân Sơn, nhưng câu chốt làm tôi liên tưởng đến câu lái khác cùng ý nghĩa: “**Mổng chuồng** mọc giữa **đồng chòi**. Cái **mổng** mọc ở giữa **đồng bình** thường như chuyện “**muốn chồng**” thì “**đòi chồng**” phải không quý vị ?

Các nhà văn (hiện đã già, hoặc đã ra đi rồi) viết lái

Trong quyển “Hơn Nửa Đồi Hư” (13) ông Vương Hồng Sển dùng tiếng lái nhiều lần. Thí dụ “**bất quá là bá quốc**” (trang 465); “**ủ tờ**” (tiếng lái của từ **ở tù**, trang 477); và “**mổng chuồng**” (tiếng lái của “**muốn chồng**” trang 519) v.v... Ngoài ra, ở một đoạn khác, để nhắc lại kỷ niệm chuyến Đông du thăm Đài Loan và Nhật của ông cùng vài người bạn Pháp, cũng trong sách này, ông có ghi lại chuyện ở khách sạn Nhật. Ông và người bạn Pháp không quen mặc áo kimono đã để sẵn trong tủ cho khách trọ. Ông có dùng hai tiếng lái, với vẻ đùa cợt mà tôi xin miễn “thông dịch”, như đã hứa; trừ gạch dưới hai tiếng lái là do tôi thêm, nguyên văn câu ông viết như sau:

“Đến cái áo kimono màu sắc sỡ, mỗi phòng trọ đều có treo sẵn cho khách mượn, Meken và tôi chưa quen, vừa xô tay vào, tám thân bồ tượng áo che không khuất, trống trước trống sau, đưa “lủ coi” đưa “lắc cọ”, áo nhột nhột, cảnh thật buồn cười” (trang 590).

Công Tử Hà Đông (CTHD), báo Người Việt (1), dùng tựa đề “Saigon Tạp Pín Lủ” (tên một cuốn sách của ông Vương Hồng Sển), để phê bình nội dung của cuốn “Tự Vị Tiếng Việt Miền Nam” của ông Sển. Bài báo này đã kể ra nhiều tiếng lái. Có tiếng từ sách của ông Sển, đã được tác giả bài báo trích dẫn như “xe u mê”:

“Xe u mê: tiếng lóng để gọi xe thổ mộ, vì sàn xe bằng gỗ cứng, khách ngồi bệt trên sàn, ê ẩm bàn tròn, nhứt là khách phụ nữ đều phải ê mu, nói lái cho bớt tục.”

Có nhiều tiếng lái khác, và những tiếng đặc biệt được dùng thời tác giả CTHĐ sống ở Saigon. Ông đặt câu hỏi cho chính ông là:

“Tại sao tôi không ghi lại với lời giải thích những tiếng, những thành ngữ sinh động, rung rinh âm

thanh, lung linh màu sắc trong tiếng nói của dân tộc tôi, trong thời đại tôi?”

Ý kiến của ông rất hay vì những từ mà ông kể ra rất độc đáo, vì có tính cách rất là Sài Gòn. Trong số những tiếng đặc biệt đó, có một số là tiếng lái như: liệng cống, dầm sủ, chai hia, chà đồ nhôm. Xin được trích dẫn sau đây cụm từ lái chà đồ nhôm, một thành ngữ lái có tính cách lịch sử, tả cảnh nghèo đói của dân Sài Gòn, sau khi được phỏng dái (giải phóng), phải đem bán bất cứ vật gì có thể chôm (lấy) được trong nhà.

“**Chà đồ nhôm: chôm đồ nhà**, tiếng Sài Gòn những năm sau 1975, ... Thời ấy Sài Gòn có câu phong dao:

Đi đâu bỏ con ở nhà?

Hỏi em em nói: Đi chà đồ nhôm

Đi đâu tay xách, nách ôm?

Hỏi em em nói đi chôm đồ nhà.” (1)

Giai thoại về nói lái của Trạng Quỳnh

Trong một số sách khác, tôi nhớ là có đọc một số chuyện vui liên quan đến “Trạng Quỳnh”. Ông hay nghịch ngợm, chọc phá nhiều vị chức sắc trong triều, kể cả con vua và vua nữa. Đại ý chuyện truyền rằng một hôm nghe công chúa đi dạo ngoài thành. Trạng Quỳnh đứng đón công chúa ở gần bên một cây cầu. Khi công chúa đi ngang qua cầu thấy ông Trạng nhà ta lấy chân đá nước văng tung tóe. Công chúa hỏi ông đang làm gì đó? Ông trả lời là ông **đá bèo** cho vui.

Nhà thơ Hồ Xuân Hương nói lái

Tôi cũng nhớ có đọc nhiều lần trong các sách nào đó, thơ của Hồ Xuân Hương (HXH). Nữ sĩ họ Hồ này là vua về thơ lái. Thơ lái của bà được ghi lại trong nhiều sách vở về văn chương Việt Nam. Gần đây đọc quyển “100 Năm Phát Triển Tiếng Việt” (9), tác giả Phụng Nghi có ghi lại bài thơ “Kiếp Tu Hành” của nữ sĩ họ Hồ:

Cái kiếp tu hành nặng đá đeo,
Vị gì một chút tẻo tèo teo
Thuyền tình cũng muốn về tây trúc,
Trái gió cho nên phải lộn lèo.

Ngoài ra tôi còn nhớ vài câu sau đây của HXH: (nhưng không nhớ tựa bài thơ)

Đang cơn nắng cực chữa mưa hè

Rủ chị em ra tát nước khe...

Hoặc:

Thú vui quên cả niềm lo cũ

Kìa cái điều ai nó lộn lèo.

Các nhà thơ khác dùng tiếng lái

Theo sách vừa dẫn (9) thi sĩ Thảo Am Nguyễn Khoa Vy ở Huế có bài thơ như sau:

Nực cổ chi ra *nổi cực* lòng,
Dòng châu lai láng *dĩa dầu* chong
Khó đi tìm hiểu nhau *khi* đó,
Công khó nhờ ai biết *có* không

Ông Huy Phương (3) trong bài “Nói Lái Mà Chơi” cũng có ghi một bài thơ nói lái nổi tiếng khác của thi sĩ Nguyễn Khoa Vy:

Cầu đạo nên chi phải **ạo đầu**
Dầu lai đưa muối cũng **dài lâu**
Na bường bát tới **nương bà** vãi
Dầu sãi không tu cũng **giải sâu**

(Ông Huy Phương chú thích: Na bường bát tới = mang bình bát tới, nói giọng Huế) Ngoài ra trong bài “Nói Lái Mà Chơi” còn có một bài thơ rất hay tựa đề “**Trông Trời**” mà Ông Huy Phương nói không biết tác giả là ai.

“Cô kia sao cứ **trông trời**

Để tôi xin nguyện **lâm trời** **cô** **trông**

Trông **trời** sương lắm phải không

Trời mà **trông** lại còn mong nổi gì!

Đọc xong bài trên, các bạn có tìm thấy ý nghĩa của tiếng lái không? Nếu không xin các bạn đọc câu chú thích của ông Huy Phương. Ông có ghi rõ là bài thơ này muốn nói lái phải đọc theo giọng Bắc hai chữ “trông trời” = “chông chời”.

Nói lái bằng câu đối

Trong sách Miền Đất Hứa (10) anh Trà Lũ (tôi gọi anh vì Trà Lũ là bạn dạy học cùng trường với tôi trước 1975) có ghi câu đối sau đây, câu đối vừa chơi chữ cách đối vừa chơi chữ bằng cách dùng tiếng lái:

“**Gái Củ Chi, chỉ cu, hỏi củ chi**”.

Khi nghe câu đối trên, anh Trà Lũ đã kêu cứu “xin các cụ giúp tôi với”? Quý bạn thừa hiểu là từ Củ Chi đầu là một địa danh gần Saigon; củ

chi thứ hai ở cuối là câu hỏi (củ này là củ chi vậy?) Còn từ chỉ củ vừa là một động từ, vừa là tiếng lái của cả hai từ cùng âm “củ chi”.

Cũng trong sách đó, ở một đoạn sau, Trà Lũ có nói rằng một số đọc giả viết thư “gà” cho anh 2 câu như sau gọi là đối lại với câu trên:

“Trai **Thủ Đức thức đủ** xin thủ đức” và
“Trai *Bắc cực*, bú c., than Bắc cực”.

Anh Trà Lũ cho là câu đối sau nghe “khiếp quá, nhưng phải viết ra trình cho các cụ chấm cho”. Hai câu này đại khái, không được chỉnh lắm về phương diện đối. Hơn nữa chắc bạn tôi vì tính tình xè xòa nên không để ý rằng tiếng lái của “Bắc cực” là “bức c.” chứ không như ông đọc giả nào đó đã viết. Và nếu dùng từ “bức” thì chắc không có gì “khiếp quá” mà chỉ hơi hơi táo bạo tí thôi. Chỉ ghi nhận cho vui chứ nào dám chỉ trích bạn mình, vì tôi cũng bí như bạn.

Mười năm qua rồi, trên con đường học hỏi về lái tiểu lâm, chưa tìm thấy câu nào hay hơn câu Củ Chi mà bạn đã kể.

Gần đây đọc bài của Ông Nguyễn Đại Hùng (7) thấy câu Củ Chi được ghi như sau: “Đến Củ Chi, chỉ củ anh, hỏi củ chi.” và câu sau ghi là:

“Về Củ Mông, còng mu em, đòi Củ Mông”.

Giai thoại về nói lái để hẹn hò qua câu đối

Gần đây hơn, vào mấy tháng đầu năm 2002, kể cả tháng bảy, đọc trong báo hằng ngày tôi thường thấy những tiếng lái, nhưng chỉ là những tiếng rời rạc, cũng vui, nhưng không lồng trong câu chuyện nào đặc biệt, nên tôi không ghi chép.

Tuy nhiên, trong một buổi tiệc sinh nhật tôi có nghe câu đối có tiếng lái. Câu chuyện rằng ở miền đồng quê sông Hậu nhân có buổi gặp gỡ của các thân hào trong làng, rồi trong câu chuyện qua lại, người ta nói về thời sự, đồng án, và văn chương.

Có một chàng nọ, trong câu chuyện về văn chương với một cô, đã nói:

Nguyệt Lão xe tơ, chỉ vàng tốt mối

Nàng đã trả lời là:

Đế Thích nhấp chén rượu trắng tái môi.

Mới nghe qua, tưởng là chuyện câu đối với các điển tích. Nhưng thực sự Nguyệt Lão và Đế Thích chẳng “ăn nhậu” (liên quan) gì đến hai người này. Họ chỉ hẹn ngày gặp nhau mà thôi. Chàng hẹn nàng tối mốt (tốt mối). Nàng không chịu, bảo là tối mai (tái môi.)

Nói lái qua câu hò đối đáp giữa trai gái

Miền đồng bằng sông Cửu long, vào mùa cấy các thợ cấy nam nữ vừa làm việc vừa vui đùa qua chuyện tiểu lâm, hoặc qua những câu hò đối đáp giữa hai nhóm nam nữ. Ông Nam San (6) có ghi lại một số câu hò có tính cách rất “tả chân” sau đây, trong đó có luôn cả câu có tiếng lái.

Phe Nam:

Thấy em gò má ửng hồng
Phải chi em đừng mắc cỡ thì anh bông em hun.

Hoặc:

Nước Tân Ba chảy ra Trà Cú
Em cấy khum lòi vú anh muốn hun

Phe nữ đáp:

....

Phú Điền có chị Tám Hai
Thuyền quỳên hò mí, **đối trai** anh hung.

Tân Ba, Trà Cú, Phú Điền là những địa danh ở vùng đồng bằng Cửu Long. Mới đọc câu chót ít ai để ý đến tiếng lái vì gái thuyền quỳên mà đối “trai anh hung” thì rất là thuận tai và thuận nghĩa. Nhưng “**đối trai**” nói lái là **đái trôi**, vừa có nghĩa đen rõ ràng, khỏi giải thích, vừa có nghĩa bóng là phe nữ có cách hò thắng phe nam một cách dễ dàng. (Ông Nam San chú thích rằng: “Hò mí hay hò mép là hò đối đáp, thách thức, vòng vo xuôi ngược, nói lái úp mở nói lên cái ẩn dụ của mình, miễn xuống câu ăn vận, đúng điệu là được.”)

Giai thoại về học sinh “Văn Bình”

Trong chuyện chơi chữ của các học sinh và những nhà nho mà tôi đã đọc, thì chuyện sau đây (tôi nhớ không được rõ ràng về chi tiết và tên tuổi) nói lên sự đùa cợt bằng tiếng lái. Chuyện rằng có một nhà nho nọ văn hay, chữ tốt, thi đậu cao, nhưng không chịu ra làm quan mà chỉ về vườn vui thú việc dạy học. Có một

anh học trò nọ rất hay chữ và tự cao về tài của mình. Anh ta tên là Văn Bình. Anh đi tìm nhà nho nọ để thi thố tài đối đáp của mình.

Trong lúc đi trên các con đường quê quanh co, anh ta gặp một ông câu cá, anh ta hỏi thăm lối đi. Ông câu hỏi tìm gặp nhà nho làm gì? Anh sinh viên đáp là để đối đáp văn chương. Ngụ ông nói nếu anh sinh viên đối được câu đối của ông thì ông sẽ dẫn đến nhà của nhà nho. Ông giao điều kiện là khi ra câu đối, ông chỉ nói ra từng chữ một và anh sinh viên phải đối lại từng chữ một. Anh sinh viên bằng lòng. Những chữ của câu đối là:

“Võ trác đáo nam cô”.

Anh sinh viên đối từng chữ là:

“Văn bình lai bắc cụ”

Vì khi đối là đối từng chữ một nên anh sinh viên không thể biết nội dung của cả câu. Khi xong, ngụ ông bảo anh sinh viên đọc cả hai câu xem nghĩa là gì và giải thích cho ông nghe. Đọc lại, thấy câu đầu vô nghĩa. Nhưng đọc câu thứ hai xong, Văn Bình vốn rất thông minh, biết ông câu dùng lối chơi chữ lái để nhạo anh ta. Anh ta cũng nhận ngay ra rằng chính ông câu là nhà nho mà anh đang tìm. Tôi không nhớ đoạn kết của câu chuyện này ra sao, và cũng không nhớ đã đọc ở sách nào.

Giai thoại Mã Qui – Qui Mã

Phần cuối của việc trích dẫn sách, có hai tiếng lái đã thành giai thoại rất hay. Trong giai phẩm Xuân Nhâm Ngọ Người Việt, Công Tử Hà Đông (1) có viết bài Mã Qui và Qui Mã. Năm Ngọ nói chuyện mã là đúng quá rồi. Tác giả cho biết là hai từ này và câu chuyện liên hệ là do một “cây cười nhân dân nào đó ở Hà Nội” viết ra để làm chuyện tiểu lâm.

Chuyện đại ý là vào đầu thập niên 1980, kinh tế VN xuống dốc phi mã, thâm thâm. Người cầm đầu đảng và nhà nước vì lo lắng quá nên đến đền Ngọc Sơn ăn chay xin thần linh báo mộng giúp biện pháp cứu nước. Hai người đều được thần báo mộng. Người đầu thấy con ngựa và con rùa, người kia thì thấy con rùa và con ngựa. Tuy vô thần, nhưng tin mộng và tin .. thầy giải mộng. Hai người bèn nhờ thầy giải thích hộ.

Thầy giảng rằng rùa là qui, ngựa là mã. Ông đầu thấy rùa và ngựa tức thấy qui mã, ông sau thấy

ngựa và rùa tức thấy mã qui. Vậy theo điềm mộng thì thần có ý cho hai ông biết là: “muốn cứu vãn nước nhà hai ông phải qua Mĩ xin Mĩ (a) nó giúp, bao giờ Mĩ (a) nó qua nước mình thì tình hình nước mình mới khá được”.

Tác giả bài báo cũng có viết rằng là chuyện tiểu lâm (nói lái) này đã ra đời từ những năm đầu của thập niên 1980, khi chưa có dấu hiệu nào cho biết rằng Mỹ sẽ bang giao với VN. Tác giả bài báo đó viết tiếp là: “Hai mươi năm sau, chuyện mã qui qui mã thành sự thật.” Chú thích (a) do tôi thêm: các từ Mĩ này dùng “ĩ” vì tiếng lái của qui mã = qua mã, và mã qui = mã qua).

Với những trích dẫn vừa qua, chúng ta thấy văn chương, văn thơ, trong sách báo hay video đều có nói lái, rải rác đó đây từ Bắc chí Nam, từ quốc nội đến hải ngoại.

Những lối nói lái qua tiểu lâm truyền khẩu, hoặc được ghi chép lại.

Phần tiếp theo đây tôi sẽ ghi thêm những tiếng lái hay câu lái do tôi học hỏi hay lượm lặt trên con đường “tiểu lâm lái”. Ngoài ra nơi nào cần, tôi sẽ trích dẫn sách.

Nói lái trong câu đố

Lúc tôi còn nhỏ, tôi biết được những tiếng lái đầu tiên qua các câu đố. Thí dụ các câu đố sau đây:

- a) – Ông cố ngoài Huế ông cố ai? (xuất vật)
- b) – Ông đánh cái chen, bà bảo đừng? (xuất vật dụng). Hoặc
- c) – Ghe chày chìm giữa biển đông, cái nóc nó mất cái công nó còn. (xuất vật) .

Câu a) là “cái ô”; vì cố ai = cái ô. Câu b) là cái “chân đèn”; vì “chen...đừng = chưng đèn. Câu c) là “con còng”, vì “công còn = con còng.

Nói lái tên thú vật

Các câu sau đây nói lái về thú vật, thức ăn, địa danh, hay nói đùa cho vui:

- Con óc con nhện, con ếch con nhộng;
- Con cò con sóc, con cóc con sò;
- Con công con rùa, con cua con rồng;
- Con cáo con bò, con cò con báo.

Hoặc:

Con cá đối nằm trên cối đá;
Ông cò Lửa đứng ở cửa lò.

Bên trên trong phần trích dẫn video đã có rất nhiều tiếng lái về thú vật.

Nói lái về các loại canh

Về thức ăn, trong bữa cơm của VN thường có ba món chánh: món mặn, món xào và món canh. Sau đây là câu lái đùa về canh:

“Anh **Câu Bành** đánh lộn với anh Kí Banh, ông Cai Cảnh làm biên bản, giải lên ông Cai Khoanh để thụ lý.”

Các câu trên thật ra là tên của bốn loại canh: **canh bầu**, canh bí, canh cải và canh khoai.

Nói lái về các địa danh

Về địa danh chúng ta có một số câu sau đây:

Chợ **Thủ Đức** năm canh **thức đủ**;
Chợ **Đồng Tranh** năm canh **đành trông**

Hoặc:

Ra **Thủ Đức** năm năm **thức đủ**
Về **Giồng Trôm** tháng tháng **dòm trông** (4)

Hay các câu sau:

Đi **chợ Búng** coi chừng **chúng bợ**
Đến **Hạ Long** rất **cổ hợng la**
Lên **Bắc cạn**, nghèo **đành bán c. t**
Vào **Ba Thê** cuộc sống **bê tha**
Vượt **sông Đuống**, **xuống Đông** lên bắc
Trèo **Đèo Ngang** trong lúc **đang nghèo**

Ngoài ra còn có câu sau đây liên quan đến địa danh và nói lái, và có thể dùng câu này làm vế đầu của câu đối. Vị nào đối hay xin ban cho một câu đối để chuyện thêm phong phú:

“Nếu **chị Bà Chở**, Bà Chở sẽ **chở xuống Chợ Bà Chiêu**”

“Chở” vừa là tên của một bà, vừa có nghĩa là đem đi bằng một phương tiện giao thông (chuyên chở). “Chị Bà Chở” cũng có hai nghĩa: Thích bà có tên Chở hoặc, “đồng ý cho bà đó chở đi”. Tiếng lái của **chị Bà Chở** là **chợ Bà Chiêu** một địa danh rất quen thuộc ở vùng Sài Gòn.

Vùng Đồng Nai Cửu Long có hai câu đối rất độc đáo, và nổi danh sau đây để chỉ một chàng trai người Hốc Môn, và một cô gái người Gò Công đang tình tự:

Trai **Hốc Môn** miệng **hôn tay móc**,
Gái **Gò Công** chân **gồng cẳng co**.

Giai thoại nói lái về con Rồng Air VN

Trước năm 1975, hàng không Air VN có dấu hiệu con rồng uốn khúc. Có một thời gian, không biết các cô tiếp viên phi hành có tư cách hống hách với khách hàng thế nào mà các vị viết báo đã cho Air VN một cái nick name (tên riêng hay biệt danh) để đời là Air **rồng lộn**. Các cô tiếp viên hống hách cũng bị gọi là các cô rồng lộn. Tưởng một thời gian ngắn rồi mọi sự kiện sẽ bị quên lãng. Nhưng khôn nổi cứ 12 năm thì có một năm thìn, tức năm con rồng, cái nick name này lại được viết ra trên báo xuân, thành ra có thể nói đây là tiếng lái được các báo nhắc đến nhiều nhất, một tiếng lái để đời.

Những câu nói lái khác liên hệ đến con rồng.

Ông Đại Ngu (2) có ghi hai câu đối sau đây:

“Con Tiên Cháu Rồng, Lộn xuống hồng trần
sung sướng nhỉ.

Mộng hùm thơ Rắn, Sai đâu con tạo đỡ đàn
cho”

(Tác giả Đại Ngu có chú thích là chữ lái của “rắn sai” là “Rái sắn”, đọc theo giọng Hà Nội âm R thành âm D.

Ông cũng có ghi thêm về giai thoại Tú Mỡ đùa thi sĩ Ngọc Hồ như sau: “Tú Mỡ viết bài thơ trào phúng có hai câu khá tục, chắc đã làm nữ sĩ Ngọc-Hồ phải cảm giận:

Hồ tù ngán nổi con rồng lộn
Ngọc vết thương tình kẻ cố đeo”

(Tôi tò mò: Có lẽ bút hiệu Đại Ngu cũng là tiếng lái?)

Nói lái để tuyên truyền

Tôi nhớ, có một hôm, theo thường lệ, tôi chỉ đọc lướt qua những tựa của các bài báo. Có một tựa có tên đại khái là: “Không phải thầy tu nhưng rất thù Tây”. Vì chưa đọc bài báo, nên không biết nội dung ra sao. Nhưng vì méo mó nghề nghiệp, tôi nhận ngay chữ thầy tu là tiếng

lái của thù tây hay ngược lại. Chữ này làm tôi nhớ đến chữ **thầy tăng** vì đó là tiếng lái của chữ **thăng tây**. Số là trong thời kháng chiến chống Pháp giữa thập niên 1940, người ta truyền miệng trong dân chúng hai câu sau đây:

Chừng nào lúa mọc trên chì,
Voi đi trên giấy, rồi đời **thầy tăng**

Nói lái để cho mật thám không biết. Họ đồn đó là hai câu sấm “Trạng Trình”. Hai câu sấm này được truyền miệng giống như ý sấm đã bắt đầu linh nghiệm vì lúa đã mọc trên chì: Pháp cho sản xuất tiền đồng xu và các bạc có hình cây lúa; và cho lưu hành giấy bạc một trăm đồng có hình con voi (hình trang 126. Ai có tờ giấy “con voi” trong túi là dân khá giả vì \$100.00 đồng lúc đó bằng 5 tháng lương của thầy giáo.

Những chuyện về nói lái ở VN sau 1975

Sau năm 1975, nghe những người “vượt biên” đến HK kể những chuyện “cười ra nước mắt” để chỉ tình trạng nghèo khó của dân chúng.

Một ví dụ về sự túng thiếu của giáo chức: “**Giáo chức** bây giờ **dứt cháo thôi**”.

Một ví dụ khác về tình trạng chán nản, không muốn làm việc của các công chức, cán bộ; khi bàn cãi chuyện gì họ cứ muốn bàn lùi hay giữ tình trạng cũ, do đó mà có danh tánh “**Vũ Như Cẩn**”, hay “**Bùi Lan**” (= **vẫn như cũ**, hay **bàn lui**)

Rồi tình trạng dứt lốt cho được việc khi đi đến các cửa công xảy ra quá nhiều nên nhóm chữ “nguyên tắc đầu tiên” được ra đời vì điểm chánh là phải áp dụng “nguyên tắc tiền đầu” này thì mọi việc mới trôi lọt cho. Không biết tình trạng này lan rộng đến mức độ nào và bây giờ tình trạng ra sao, đành mù tịt vì không thể nào polling để thăm dò được. Ngoài ra tôi còn nghe và đọc trong những bài sau đây về tình trạng nghèo đói đã nói trên:

Kỹ sư đôi lúc là **cư sĩ**

Thầy giáo lấm phen cũng **tháo giày**

Giáo chức giờ đây đành **dứt cháo**

Khoái ăn sang nên **sáng ăn khoai** (3)

Cảnh túng quẫn của thầy giáo cũng được nhắc đến trong một bài thơ khác, trong sách vừa dẫn trên:

Thầy giáo tháo giày đi dép

Nhà trường nhường trà uống nước trong

Tháng đầy thầy đáng dăm lon gạo

Lương thầy **tiền lính tính liền** xong

Thầy giáo tháo ủng **tháo giày**

Tháo ủng thủng áo, tháo giày nóng chân

Giáo án dành lại khi cần

Thay vải **dán áo** việc làm “tốt thôi”.

Về những vấn đề tổng quát hơn, có những câu sau đây:

Chú phỉnh tôi rồi **chính phủ** ơi;

Chiến khu tiền bạc **chú khiên** rồi

Thi đua vượt chỉ, **thua đi** đấy,

Kháng chiến lâu ngày **khiến chán** thôi

Nói lái qua những chữ gốc Trung Hoa (TH), chữ Hán Việt (HV), hoặc giống chữ HV.

Ăn thịt mọc tồn

Một món nhậu đặc biệt của VN là món... thịt chó. Ai không ăn thịt chó được, hoặc thèm thịt chó mà không mua được, thì có món “giả cây” thế vào, dùng giò heo, nhưng nấu theo kiểu nấu thịt chó nên gọi giả cây.

Ngày xưa, nghe nói có lúc Tây cấm ăn thịt chó. Nhưng ai đó nếu thèm quá thì cũng phải tìm cách ăn lén. Để tránh các phiền phức, họ dùng tiếng lóng để chỉ con chó. Họ gọi chó là “mọc tồn”. Theo tiếng Hán Việt, mọc = cây, tồn = còn; vậy **mọc tồn** = **cây còn** = **con cây** hay con chó cũng vậy.

Người ta còn dùng nhóm chữ “hạ cờ tây” để chỉ việc làm thịt chó con (**cờ tây** = **cây tơ**). Thật là nhiều hình thức từ ngữ để tránh né, vừa vui, vừa hay quá cỡ thợ mọc. Sau này những từ ấy trở nên thông dụng trong nhóm “xúc cẩu xiu”, tiếng TH, có nghĩa ăn chó quay.

Dám xủ

Miền Nam VN có nhiều người Việt gốc Hoa. Do đó dân ta Việt hóa nhiều tiếng TH. Thí dụ ăn chay (Quảng Đông: xúc chay); ăn lẩu: ăn thức ăn nhúng trong nước lèo đựng trong một cái dụng cụ nấu đặc biệt gọi là cái cù lao; gặm chỉ quách: gặm xương hàm, ăn cháo lòng hoặc ăn hủ tiếu để thêm dầu chá quảy v.v..

(Chú thích thêm: “dầu chá quảy”, tiếng TH đọc giọng Quảng Đông có nghĩa đen là “quỷ chiên mỡ”, tích truyện vợ chồng Tần Cối, đời Nhà Tống đã bị xử tử; hai vợ chồng bị trói lại và bị

thả vào vạc dầu. Vì vậy chúng ta thấy cái bánh “dầu chá quẩy” luôn luôn gồm có hai miếng bột chiên dính liền nhau (tượng trưng cho vợ chồng Tần Cối).

Trong buổi ăn, người Tàu hay dùng một loại dấm đồ chung với xì dầu (nước tương) làm nước chấm. Họ gọi dấm đồ là xủ (giọng Quảng Đông). Dân chơi tiếng lái khi vào tiệm ăn, thay vì gọi xin dấm hay xin xủ, lại gộp chung cả hai từ dấm và xủ, gọi người hầu bàn xin dấm xủ. Một người gọi, cả bàn cười vì tiếng lái đó (*dấm xủ = dú xắm* đọc theo giọng Nam của tiếng *vú xắm*). Lẽ dĩ nhiên anh hầu bàn người Tàu cũng cười theo khách hàng cho vui nhưng chưa chắc đã hiểu tiếng lái đùa cợt đó, (hay hiểu và thích cũng không biết được, vì anh TH mà thích dấm xủ là chuyện thường rồi, vì là món ăn hàng ngày của “ngộ” mà, không thích sao được).

Trà Thái Đức

Ngoài ra, những từ Hán Việt quen thuộc có nhan nhản trên các báo là tên các tiệm thuốc Bắc, thuốc chế từ các loại dược thảo TH, hay tên của các loại dược thảo được bày bán, (khác với thuốc Nam là các loại dược thảo có sẵn ở VN thuộc loại “cây nhà lá vườn” dễ kiếm hơn), và tên của các loại trà v.v...

Nước trà nào cũng có tính cách nhuận tiểu. Uống trà nhiều vào buổi chiều, đêm thường khó ngủ, có thể vì trà có cafein làm mất ngủ, nhưng cũng vì phải thức dậy nhiều lần để đi tiểu. Vì vậy dân nói lái khi nghe mời dùng trà ngon thường hỏi nhau là trà này có phải là trà Thái Đức không? Hỏi xong, chủ khách cười xòa (**thái đức = thức đái**).

Vào buổi sáng, đến tiệm ăn tiệm xám, thường thức “xíu mại” và xì dầu pha dấm xủ, và uống trà thái đức thì tuyệt rồi còn gì bằng. Chỉ một vài tiếng lái thôi mà không khí buổi điểm tâm vui nhộn lên.

Vua Tự Đức nói lái

Nhắc đến nói lái, không thể thiếu giai thoại về vua Tự Đức. Chuyện truyền rằng một hôm Tự Đức đi dạo trong cung với chú mình là Tuy Lý Vương (tên hiệu của hoàng thân Miên Trinh (tên Miên Trinh ít người biết đến), một nhà thơ nổi tiếng, có tài ứng đáp nhanh chóng). Khi thấy các hoạn quan đi ngang, vua hỏi TLV:

Vi sương tự dịch ?

TLV hiểu câu hỏi liền đáp :

Dĩ phát nhi phùng

(vì vốn liếng HV của tôi rất ít nên không biết có chép đúng các chữ HV bên trên như một bạn tôi đã thuật lại trong một buổi gặp gỡ các bạn già.) Đại khái khi “dịch” chữ HV ra tiếng Việt thì hai câu trên như sau:

Làm sương cho sáo?

Và:

Lấy tóc mà may.

Chắc các bạn không cần “thông dịch” ra tiếng lái hai câu trên vì tiếng lái đã quá rõ ràng về tình trạng của các hoạn quan. Nếu chuyện này có thật thì vua Tự Đức và Tuy Lý Vương đã biết dùng HV xen lẫn với tiếng Việt để nói lái và đã dùng cách lái “ba chữ” (ba từ) trong câu chuyện này.

Phú hộ hà tiện (tiếng nói lái giống tiếng HV)

Có câu chuyện khác, rằng có một phú ông họ Tạ kia tuy giàu tiền, nhưng ít chữ nghĩa. Đầu ông ta hói, và nổi tiếng là hà tiện.. từng xu. Tết đến, ông ra chợ nhờ cụ đồ nho viết câu đối trên giấy đỏ để treo ở nhà. Cụ đồ đề nghị viết chữ “họa” giống như vẽ cho đẹp và đề ra giá công viết là một đồng. Phú ông kỳ kèo trả giá năm các thôi. Ông đồ chịu và viết cho 2 câu sau đây:

Hiền Tạ Thu Sương tâm tác kiết;
Thiên Tường tác biệt thị Châu đài.

Ông đồ giải thích đại khái là bà phú hộ tên Thu Sương, còn ông tên Tường. Họ Tạ hiền hậu, bà nhà có tấm lòng tốt (kiết). Còn ông nhờ trời (thiên) ban cho cách riêng nên giàu có như con cháu nhà Châu thời xưa. Ông phú hộ nghe xuôi tai, vui về trả năm các và đem tấm giấy đỏ về dán trước cửa. Một hôm bạn ông, một người giỏi chữ nho, ghé thăm. Phú ông khoe câu đối. Bạn của phú ông đọc lui đọc tới hai câu trên, thấy chẳng có nghĩa gì cả. Sau một lúc ông ta phá lên cười vì ông phú hộ đã bị ông đồ nho chơi xỏ. Hai câu trên chẳng phải chữ nho với điển tích gì cả mà chỉ là hai câu gồm một số từ tiếng lái và một số không phải tiếng lái, viết ra như sau:

Hà tiện thương xu, tâm tiếc cắc (tâm tiếc từng cắc)

Thương tiền, tiếc bạc thị chai đầu (chỉ đầu hói)

Phú ông nghe câu giải thích mới, xé câu đối và chắc lưỡi hít hà, vừa rửa cụ đồ, vừa tiếc đã mất năm cắc, nên quên mời ông bạn vào nhà xơi ... “nước mát.”

Bà hóa kén chồng

Thêm vào kho tàng HV kiểu truyền khẩu này, còn có câu chuyện sau đây: Chuyện một bà góa, giỏi chữ nho, đặng bằng tìm chồng. Chuyện rằng bà thuộc loại “nửa chừng xuân, thoát gãy cành thiên hương” (Kiều) .

Sau ba năm để tang chồng, tròn đạo phu thê, bà bán tiếng là bà có ý mỏng chuồng. Bà cho biết sẽ chọn ông nào biết nói lái hay nhất bằng cách dùng câu đối, có vẻ như chữ nho. Bà đưa câu chuyện nói lái của ông phú hộ bên trên làm ví dụ. Bà còn nói rõ hơn là phải diễn tả được tình cảnh của bà trong ba năm để tang chồng.

Đề tài thật rắc rối và hóc búa thật sự. Nhưng vì bà đẹp quá nên rất nhiều nhân tài nộp bài. Sau khi chấm xong bà lựa được hai bài, vừa có tiếng lái, vừa có vẻ như chữ nho, vừa tả một phần đời bà, để cho vào chung kết.

Bài thi chung kết đầu chỉ có hai câu như sau:

Bách nhật bách không “vô cụ đặc”

Băm na đồ lễ, “chằm ai đặng”.

Bài thi thứ hai, vừa có câu đối, vừa là bài thơ song thất lục bát:

Gái quốc sắc, cao môn “dũ đệ”

Trai anh hùng, tứ hải “đại du”

Nhìn em đã thấy “căng tu”

“Mỏng chuồng” chỉ nhận (người có) “cốt tu” làm chồng.

Cả hai được chấm đậu viết. Nhưng sau phần thực hành, trong vòng 2 tuần liên tiếp bà loại ông có hai câu đối ngắn, vì không tả đúng tình trạng thật của bà, và vì thực hành kém quá. Ông ấy nói “ba năm để lỗ chẳng ai đặng” (= chằm ai đặng) là sai, vì thật sự trong ba năm đó bà có cho ... “đâm” lai rai. Bà thành thật thú nhận như vậy.

Và do đó bà chọn ông thứ hai. Chẳng những ông đã nói đúng những gì bà có (nhà ở tuy thuộc loại kính cổng nhưng quá còn son nên dễ sa ngã, có kiếm chác chút chút). Ông còn tả bà đẹp và hấp dẫn (nhìn bà ông đã thấy “căng tu”).

Ngoài ra ông sau còn nói rất đúng về những gì ông có. Ông thứ hai này đúng là “tra anh hùng tứ hải đ. dai dẳng, và cũng hiền lành có c. tốt đúng như ông đã nói. Bà chịu làm đám cưới với ông thứ hai này.

Giai nhân và anh hùng

Tôi nhớ hai câu khác, cũng có vẻ là chữ Hán Việt, để chỉ một sự thật của con người: dầu nam hay nữ cũng phải ngậm cù đeo, hay về chầu Diêm Chúa nếu “chuyện đó” không thông. Hai câu đó mới ghi được cách đây độ 5 năm:

Giai nhân tái đắc, giai nhân tử;

Anh hùng khai đồng, anh hùng tiêu

Nghe thật là đầy chữ nho, phải không các bạn? Câu đối tuy có vẻ không chỉnh nhưng nghe hay hay vì có dùng vài từ Hán Việt nghe kêu quá. Các bạn tìm được những từ nói lái trong hai câu trên chưa? Nếu chưa tôi đành viết lại hai câu trên:

Gian nhân tắc đái giai nhân chết;

Anh hùng không đái, anh hùng tiêu (đời).

Một vài chuyện nói lái của bằng hữu, và thầy, xa xưa và hiện tại.

Ngày xưa, khi tôi còn là sinh viên Văn Khoa, trong lớp Văn Minh Việt Nam, có một giáo sư dạy về những nét đặc biệt của tiếng Việt và những thú vui ở đồng bằng Cửu Long - Đồng Nai. Trong khi chuyện trò ngoài giờ học, Thầy có bàn thêm về những từ đặc biệt có nhiều nghĩa do cách dùng sai, vô ý, hay cố ý. Thí dụ từ “khốn nạn” nguyên ngữ Hán Việt là khó khăn. Nhưng dân “miệt vườn” lại dùng từ đó như là một tiếng mạt sát thậm tệ.

Sinh viên nói lái

Có một sinh viên (tôi quên tên) nói đùa: Hồi còn nhỏ anh ta bị các thầy giáo cho là anh “cù lằn”. Lớn lên thi mãi không đậu tú tài, chắc đúng là vì “cù lằn” thật sự. Cha anh bảo cưới vợ làm ăn. Sau khi cưới được vợ rồi, anh tưởng là hết “cù lằn” nào ngờ anh vẫn “cù lằn” như thường,

nhưng lại thi đậu tú tài. Thầy nói ngay: “đáng mừng, đáng mừng, sinh viên biết chơi chữ với thầy”.

Các bạn có biết anh sinh viên nọ nói gì không? Cù lần có nghĩa là lười thôi, kém thông minh. Nhưng cù lần (có gạch dưới) của anh sinh viên nọ, có nghĩa đôi, vừa là ít thông minh, vừa là tiếng lá (cần l.) đấy các bạn ạ. Và cha anh đã giúp anh giải quyết vấn đề thi rớt qua kinh nghiệm của riêng ông bằng cách giải quyết vấn đề tâm sinh lý của con ông qua việc cưới vợ cho con.

Một sinh viên khác, người gốc Bạc Liêu, cũng góp vui vào câu chuyện. Anh ta nói: Còn em, Thầy biết không, lúc vừa xong lớp đệ nhị, em đã bỏ học hoang chơi lêu lổng. Em đã có những quyết định “lầm lộn” và xài phí gần hết nửa gia tài của cha mẹ để lại. Càng lớn em càng “lộn lằm” tiêu phí gần hết phần của cải còn lại, kể bị đi lính, vào học trường sĩ quan Thủ Đức. Nhờ đi lính em mới xác nhận thêm rằng đa số đàn ông, kể cả các ông sĩ quan cấp cao đều lộn lằm như em nên thường bị đàn bà sai biểu.

Thầy cười, và nói: đó là cái bệnh chung của một số lớn đàn ông, anh đừng “buồn”. Cả nhóm cười rộ. Lại một anh học trò chơi chữ tiếng lá nữa đấy các bạn ạ.

Đồng nghiệp (dạy học) nói lái

Viết đến đây tôi lại nhớ tới các thầy cũ và các bạn khác của tôi. Tôi nhớ một bạn cũ, giờ còn ở Saigon. Vào tháng tư năm 1975, có một buổi họp ở trường về vấn đề thi cử. Trong lúc bên ngoài tình thế (chính trị, quân sự) có vẻ lộn xộn, bên trong phòng họp vì người chủ tọa chưa đến, nên anh em (đa số là giáo chức) nói chuyện khào về những tin “lạc dừa” (tin đồn) về chuyện evacuation (giải nguy) những người làm việc ở Mỹ.

Cạnh tôi có một anh bạn vốn là người đã du học Mỹ về. Anh ta có vẻ chán nghề giáo vì nghe nói đã có lần xô xát với thí sinh sau kỳ thi, vì thí sinh gian lận bài thi và anh bắt gập. Tôi hỏi anh có tính gì về chuyên “tương lai” không (một câu hỏi “mập mờ” nhưng ở thời điểm đó ai cũng hiểu là chuyện di tản). Anh trả lời là sẽ xin về hưu, hoặc xuất gia, nếu không “đi được”. Làm sao sống nếu không có tiền hưu, tôi hỏi. Anh không

trả lời, mặt rất bình thản. Anh viết hai câu thơ trên giấy đưa cho tôi đọc:

“Nếu về hưu, tao sẽ làm những chuyện sau đây:

Sáng lặc cỏ, chiều lặc cau;
Độn lầy, khai giếng tưới hành rau”

Tôi bật cười chưa kịp nói gì thì thấy anh ta lại viết thêm một bài thơ nữa, và cũng đưa cho tôi đọc. “Nếu đi tu, thật sự tao không biết theo đạo nào, chắc là theo đạo *UU* quá, nhưng không biết có đủ sức để theo không? Nếu theo đạo này:

Ngày thì công ngữ, tối công phu,
Đậu muốn làm tương phải kiểm lu
Mấy cô nhỏ nhỏ đang mù đợi,
Mấy lão sồn sồn sẽ đạo tu”

Lúc đó tôi sững sờ thật sự. Thứ nhất vì không dè anh chàng có vẻ đạo mạo, lại có thể viết hai câu đầu với một ít tiếng lá có vẻ “hơi tục”, trong khi bốn câu sau và cái đạo của anh thì “tục” quá chỗ chê rồi. Thứ hai, tôi không biết anh đang nghĩ gì trong đầu, vì hầu hết, tuy không nói ra, nhưng ở thời điểm đó, ai cũng có vẻ lo lắng, trong lúc anh lại có vẻ tỉnh bơ, lại còn làm thơ kiểu đùa giỡn này được thì ... tài quá.

Dân nói lái khi nghe những câu có vần “u”, “ù” hay “ôn”, “òn” “ộn” thì biết ngay là người nói hay người viết đang xài tiếng lá tục. Tôi xin miễn việc “diễn giải” hai bài thơ trên, xin các bạn tự tìm hiểu lấy cho vui.

(Thời gian đã chứng minh anh bạn nọ có tài thật. Anh không vượt biên đi ra nước ngoài, ở Saigon tiếp tục chịu đựng một số năm đầy nghèo khó, và sau này vươn lên bằng cách mở lớp anh văn, và tiếp tục sống ... tỉnh bơ không hề than vãn, hay nhờ vả bạn bè chút gì cả.)

Thầy (dạy trung học) nói lái

Bài thơ trên khiến tôi nhớ tới một giáo sư Pháp văn hỏi tôi còn học lớp đệ ngũ. Tôi không biết anh bạn trên có phải là học trò của ông giáo này không, vì trong bài thơ của anh ta có một vài từ giống trong bài thơ của ông thầy mà tôi đang nói. Tuy ông đã tốt nghiệp từ chương trình Tây và dạy tiếng Tây nhưng ông lại thích nói đến những cái “rắc rối, nhưng phong phú” của tiếng Việt, trong đó có lối nói lái. Ông nổi tiếng là ông

thầy lè phè, dễ tánh, nhưng lại dạy học rất có duyên và học sinh rất thích.

Sau đây là bài thơ tôi nhớ lại và ghi ra. Đúng nguyên văn hay không, không chắc, cũng như tất cả các câu khác, nhớ sao ghi vậy. Bạn nào có học với thầy và có nghe về bài thơ này xin bổ túc hay sửa chỗ trật. Đa tạ.

Có cô nho nhỏ đó học trò
Trèo lên hòn đá, đá chẳng leo
Sương sa lác đác, mù mù đọi
Trăng xế đầu non, đỏi đỏi cheo.

Cũng như hai bài trên, tôi xin cáo lỗi, không có gạch dưới những từ có thể thành chữ lái. Các bạn tự tìm lấy và tự lái cho vui. Nhưng cũng xin cho chìa khóa rằng đây là loại lái dùng ba từ liên tiếp.

Cô giáo nói lái

Nói tới thầy giáo, phải nhắc tới cô giáo cho công bằng. Chuyện rằng có bà giáo nọ có tật là hay dùng tiếng lái khi bà sợ hãi điều gì. Tiếng lái của bà chỉ liên quan đến thực tế, và không có gì gọi là “khó nghe” hay tục cả. Bà giáo chỉ có một người con trai. Bà dạy con rất cẩn thận. Tuy con đã mười lăm tuổi rồi mà đi đâu bà giáo cũng đi kèm theo, và luôn giáo dục con trong mọi trường hợp. Bà sợ nhất là nó gây lộn và đánh nhau với nhóm du đảng.

Một hôm bà dẫn con vào quán ăn cơm trưa. Trong lúc đang ăn uống, bàn bên cạnh có tiếng cãi cọ. Một anh ăn mặc có vẻ con nhà giàu, đang sừng sộ với một anh khác và có vẻ như sắp đánh nhau. Con bà nói rằng anh đầu tiên là bạn học của nó. Khi thấy con bà nhồm dậy, có vẻ muốn sang bàn bên kia, bà giáo cảm thấy không an tâm. Bà không muốn con dính líu tới chuyện gây gổ. Bà nói với con:

Con ơi, con
Đói nùng, đói kê, tháo sây, ngây vẹ
Náng làm tò, nét có chó, đỏi cái đàn
Ảo nhà gì, lách phàm, thét mà gấy.

Con trai bà nghe bà nói một hơi, mặt bà lại có vẻ giận và lo, nó ngồi yên. Khi việc cãi cọ chấm dứt, và các anh kia đã đi khuất, bà khen con bà: Con biết nghe lời má như vậy má chịu lắm đó; con ngoan như vậy, đáng khen lắm. Con bà trả lời: Thiệt ra con chẳng hiểu má nói gì cả nên con ngồi yên.

Té ra con bà ấy, như một số các bạn đang đọc bài này, nếu nghe bà nói một hơi các câu như vậy chắc cũng không đoán ngay ra bà muốn nói gì. Bà ấy đã nói:

Con ơi, con
Đừng nói, để coi, thấy sao, nghe vậy
Nó làm tàng, nó có chết, đáng cái đời
Ỡ nhà giàu, làm phách, thấy mà ghét.

Con bà hỏi sao không nói như bình thường mà lại dùng tiếng lái. Bà trả lời là sợ chúng nghe được lại gây gổ luôn tới mình thì mệt lắm, nên nói tránh cho “chắc ý” (và tưởng rằng con bà hiểu).

Lão ông, lão bà nói lái trong bàn tiệc

Không phải chỉ có bà giáo vừa nói biết tiếng lái. Tôi có chứng kiến hai bà và một số các ông dùng tiếng lái một cách khá bạo mồm trong một trường hợp khá vui. Trong một bữa tiệc của một hội đoàn cách đây hai năm, sau phần ăn có phần văn nghệ “cây nhà lá vườn”. Bàn chúng tôi và vài bàn bên cạnh gồm toàn những người trên 60 tuổi, mặc dầu các bàn khác số trung niên (40-50 tuổi) rất đông.

Khi MC mời các “bạn già” lên trình diễn, các bàn lão nhân của chúng tôi khá xôn xao. Có nhiều ông tính lên giúp vui. Sự bàn tính cũng khá sôi nổi, vì cũng có vài bà đòi lên sân khấu. Vài bà khuyến khích, cổ vũ. Vài bà lên tiếng cản.

Một bà nói hơi to tiếng khi can ông chồng không cho lên: “Thôi mà, già rồi lên đó làm chi”. Ông ấy phân trần với mọi người trong bàn, và những người ngồi gần (thuộc bàn khác) bằng cách đọc to bài thơ:

Sao em cứ bảo anh già,
Làm anh chẳng biết anh già ở đâu
Anh già cái tóc cái râu,
Nhưng riêng “cái ấy” còn lâu mới già

Nhóm lão nhân cười rộ.

Bà ấy nguyền ông và nói rằng “ông già mà không nên nét.”

Một ông khác bên vực: bà đã nghĩ chủ quan rồi, vì “cái ấy” mà chồng bà muốn nói là cái “tinh thần trẻ trung, hát hay không bằng hay hát” đấy.

Nhưng bà ta cũng không vừa. Bà nói rằng: Tôi biết nhà tôi quá mà, ông thuộc loại “Chung Vô Diệm” rồi nên nếu giải thích “cái ấy” theo cách của ông anh như vậy là sai bét.

Một ông khác lên tiếng: Cha chả!! Ai bảo các bà không nói lái?

Bà trên quay sang ông sau cùng: Nói vậy ông anh cũng rành tiếng lái quá hén, ông anh thuộc loại lái hay **lái giỏi** đó.

Ông sau cùng nói: Dạ không dám nhận lời khen của chị vì tôi còn thuộc loại **lái dở** thôi.

Ông chồng của bà ấy lên tiếng: Ông anh ơi, nói lái vòng quanh với các bà, người ta gọi là **lái gió** không hay đâu, phải dám nói thẳng như trong bài thơ của ai đó, mà tôi vừa đọc, mới hay.

Câu chuyện xảy ra nhanh như vậy và đa số những người trong các bàn của nhóm già cười rộ lên. Nhưng có một vài bà có vẻ làm nghiêm, không cười (có thể các bà không hiểu hay chưa nghĩ ra ý của tiếng lái chẳng? Hay là hiểu nhưng vẫn làm nghiêm?).

Một bà không cười, với vẻ mặt tỉnh bơ hỏi bà đầu tiên: Chị nói ảnh thuộc loại Chung Vô Diệm là nghĩa làm sao tôi không rõ. Số đông lại cười rộ lên.

(Trong truyện Tàu, Chung vô Diệm là người đàn bà xấu xí, nhưng nhờ giỏi võ nghệ, giúp vua dẹp loạn và được sắc phong hoàng hậu. Mới nghe thì rõ ràng chẳng dính líu gì tới cái ông đọc thơ).

Bà vợ của ông đọc thơ cũng trả lời tỉnh bơ: Chị ơi “Chung Vô Diệm” là “chim vô dụng” đấy. Nhà tôi bảo “cái ấy” của ảnh còn lâu mới già là nói dóc.

Cả hai bàn lại cười rộ.

Một bà khác lại chen vào: nếu ông nhà bà ở tình trạng không “dụ cứng” được và vô dụng như vậy sao ông nhà cứ đòi “lên” ... ca hoài vậy.

Bà đầu tiên cười to trả lời không cần suy nghĩ, và không tỏ chút e thẹn gì cả: Tuy thuộc loại họ Chung nhưng nhờ có đọc sách nói về các hoạn quan trong cung nên biết áp dụng phương pháp *sường cho số* để sống qua ngày. Rồi bà thấp giọng một chút, như có vẻ e dè: Thú thật đôi khi

nhà tôi có theo phương pháp cổ truyền mà giới trẻ hay dùng là *hương* và *bướng*.

Một bà khác ngồi cạnh giải thích thêm: Bà ấy muốn nói *hương cho sơn* và *bướng cho sù* đấy. Cả nhóm lại cười rộ lên, và còn có vài tiếng phê bình “tài thiệt, gan thiệt” chen vào.

Ai dám nghĩ rằng các lão bà và lão ông không chơi chữ lái phải không quý vị? Trong trường hợp này tôi thấy các lão ông nói chữ kém xa các lão bà.

Những chuyện nói lái “cách sông”

Với những câu chuyện nói lái vừa kể, tôi cứ tưởng là tôi biết nhiều về nói lái. Nhưng trẻ khôn qua, già lú lại. Tôi tình cờ đã nghe và học thêm những tiếng lái bất ngờ, chẳng có gì cao xa hay đặc biệt, nhưng những tiếng lái ấy mới đối với tôi, hoặc những tiếng đó là tiếng tôi đã biết, nhưng ít dùng tới, nên khi nghe lại thấy hay hay.

Nước bắt hiểu

Số là một hôm, bước chân vào một tiệm ăn, vừa kê xong thức ăn thì tôi nghe một em trai độ 18 tuổi kêu anh chạy bàn, cũng nhỏ tuổi như anh kia, gọi một tô tái nạm và một ly nước “bắt hiểu.”

Cha chả, nước gì mà tên ngộ vậy, tôi tự hỏi. Và vì thói quen khi nghe ai chơi chữ là tôi nghi ngay là đang chơi tiếng lái. Nhưng suy nghĩ mãi vẫn không ra. Khi ly nước được đem tới bàn, tôi nhìn qua xem, rõ ràng là nước đá chanh.

Cái lý tại sao anh chạy bàn biết và đem ra đúng thì không lạ, vì chắc chắn là họ biết code (dấu hiệu) của nhau rồi. Cái lạ là tại sao hẳn gọi là nước “bắt hiểu”. Phải khi ăn xong tô phở tôi mới nghĩ ra và bắt đầu cười cho cái chậm hiểu của mình. Các bạn có biết không, thật đơn giản. Đá chanh là tiếng lái của đánh cha. Con mà đánh cha là con bắt hiểu. Nhóm trẻ đó đã chơi tiếng lái xa hơn một bậc nữa, dùng cả lời phê của một hành động để chơi chữ.

Ban nhạc “Thuyền xưa” và “Em nấu nướng anh”

Trong một bữa “pot luck” của một nhóm sinh viên trẻ thuộc thế hệ 1.5, mà tôi gọi là thế hệ ba rọi vì các em nói tiếng Anh chêm thêm vài tiếng Việt, hoặc ngược lại. Tới phần văn nghệ văn

gừng, ban tổ chức yêu cầu một người “lớn tuổi” lên kể chuyện vui. Trong nhóm chỉ có một ít người lớn tuổi.

Một người bạn tôi, ngoài sáu mươi, than nhỏ nhỏ với tôi: hết sách rồi, chưa tìm ra được chuyện gì mới cả. Tôi rĩ tai trở lại: câu giờ bằng cách yêu cầu một sinh viên kể chuyện trước; và sau đó, nếu cùng lắm, đành mở sách “dạy tiếng Việt” vì trong nhóm này, theo chỗ tôi biết, thì chỉ có một vài em biết sách đó mà thôi.

Bạn tôi đứng lên thách thức các sinh viên rằng anh chị nào lên nói một chuyện cười gì hay, mà phải dùng toàn tiếng Việt, không được pha tiếng Anh thì ông mới lên kể chuyện. Các sinh viên đồng ý.

Hai MCs, một nam, một nữ giới thiệu một “mầm non” chuyên kể chuyện cười lên “sân khấu”. Chuyên viên cười này liền giới thiệu:

Sau đây xin các bạn cho một tràng pháo tay cho ban nhạc, toàn những nam nhạc sĩ, đó là ban nhạc “**Thuyền xưa**” do nhạc sĩ Tô v. Cừ , biệt danh C.T., làm nhạc trưởng. Ban nhạc này do ca sĩ Tô Mộng Lan , biệt danh LMT làm bầu gánh. Nhạc sĩ CT đã từng đóng phim chung với nữ tài tử Hồng Kông, “Diệp Liên Tú”. Còn Bầu Gánh LMT cũng đã từng đóng phim bộ với nam tài tử Đài Loan, “Đặng lăng Nhu”. Tiếng vỗ tay và tiếng cười vang động.

Anh “mầm non” tiếp theo: Xin giới thiệu giọng oanh vàng của nữ ca sĩ *Thu Cương* và giọng trầm ấm của nam ca sĩ *Thu Đàm* trong bản “*Em nấu nướng Anh.*” Và câu chuyện cười đến đây chấm dứt.

Không thấy ai lên sân khấu, không thấy ai đờn trống gì cả.

Chưa nghe hát tiếng nào mà chúng nó vỗ tay như pháo và cười bỏ lẩn. Tôi biết ngay là chúng nó đang nói lái qua tên của hai sinh viên mà các em gọi là “ca sĩ”. (Thu Cương = thương c. ; và Thu Đàm = tham ...). Nhưng tôi vẫn không biết tại sao chúng nó cười quá như vậy.

Khi tiếng cười lắng xuống chúng lại yêu cầu ông bạn tôi lên kể chuyện vì phần ông thách thức, chúng đã làm xong, tức đã dùng toàn tiếng Việt để chọc cười. Ông ấy và tôi vẫn còn lúng túng vì không biết trò gì đang diễn ra. Một sinh viên thấy tôi có vẻ bối rối, liền “cứu bồ” tôi bằng cách

chia cho tôi một mảnh giấy nó vừa viết vội. Tôi mới sáng mắt ra.

Lại một lần nữa, tôi biết còn nhiều nhân tài hoặc “cao thủ”, nói theo sách kiếm hiệp, trong nhóm sinh viên trẻ. Chúng nó cười vì câu chuyện với nhiều tiếng lái mà chúng nó đoán là đám “già” không nhận ra được.

Quý vị có biết không, “**thuyền xưa**” là ghe cũ và nói lái lại là cu ghe. Còn cụm từ “em nấu nướng anh” còn đi xa hơn vài bước nữa trong trò chơi chữ nói lái này. Trên tờ giấy tôi nhận được như đã nói có phần giải thích sau đây, xin chép nguyên văn, rất đơn sơ, như sau:

“Nấu nướng = đun thui = đui thun = mù co =...mò cu.”

Thật tuyệt tác . Nấu là đun, còn nướng là thui. Tiếng lái của đun thui là đui thun. Nhưng đui đồng nghĩa với mù và thun đồng nghĩa với co; do đó đui thun = mù co . Và tiếng lái của mù co là ... mò cu.. . Do đó bản nhạc mà chúng nó nêu tên “Em nấu nướng Anh” sẽ trở thành “Em mò c. Anh.”

Đám già chúng tôi không tài nào nghĩ xa như vậy, và chúng nó cười là phải vì chắc chắn là số lớn các sinh viên có mặt đều biết bản nhạc đó rồi . Chỉ có đám già quê quá. (Các Anh chị sinh viên gọi lối lái này là “nói lái cách sông vì chữ đầu và chữ được nói lái ở cuối phải được lái qua nhiều chữ khác.)

À tôi quên nói chuyện về cái ông nhạc sĩ trưởng họ Tô. Anh sinh viên “cứu bồ” có cho biết thêm là Tô văn Cừ viết theo kiểu HK là Cừ văn Tô, hay Cừ Tô. Nhưng tiếng Anh không có dấu nên thành Cu To. Tên tắc CT của chúng nó dùng bên trên là từ đó mà ra; dùng CT nghe cho “thanh nhã” hơn, theo lời chúng nó giải thích. Còn Tô Mộng Lan viết theo kiểu HK và không có dấu sẽ là Lan Mong To hay LMT.

Ngoài ra, nó còn nói thêm: chắc các bác đã biết rồi về tên lái của hai tài tử Tàu. Chúng tôi mới bật ngửa. Vì sinh viên “mầm non” nói lẹ và vì chúng nó cười nhiều quá nên chúng tôi không để ý. **Té ra tên tài tử có vẻ rất Tàu đó cũng là tiếng lái nốt** và thật không tiện diễn dịch lái chút nào.

Thật đúng là giới trẻ có tài chơi chữ lái cách sông, lái 3 chữ bằng cách dùng những tên mới

nghe có vẻ là tên Tàu thật sự. Đám già, do đó đã không nhận ra. Vố này coi như thất bại nặng, nhưng được bài học rất thích thú về nói lái.

Một dạng khác của tiếng Việt

(không liên hệ gì đến nói lái)

Chúng tôi chịu thua và bạn tôi lên “sân khấu” để kể chuyện như đã hứa. Bạn tôi, vì hết sách tiểu lâm rồi, nên không kể chuyện cười nhưng đem bài “chữ cái” của tiếng Việt ra xài để góp vui.

Ông bảo các em rằng bây giờ chúng ta chơi trò dạy học. Ông cho chúng nó quyền chọn lựa: Cho ông đóng vai thầy hay vai trò cũng được. Kèm theo là một điều kiện đơn giản. Nếu ông làm thầy, và “trò nào” lên đọc những chữ cái mà ông viết, và chỉ, thì phải đọc lớn lên. Và người nào cười thì phải góp năm dollars vào quỹ tương trợ. Người nào không chịu đọc, phải góp 10 dol. Còn nếu ông làm học trò thì lấy lý do hay quên, nhờ “thầy” nào được mời lên, đọc giùm ông những gì ông chỉ, hay viết ra; vấn đề chế tài y như vừa nói. Tóm lại, một sinh viên sẽ lên và đọc chớ ông không đọc. Chúng nó chịu cho ông đóng vai thầy.

Ông viết tất cả những chữ cái của tiếng Việt lên bảng. Ông yêu cầu chúng nó xác nhận lại coi có chịu nhận điều kiện chế tài khi cười, hoặc từ chối không đọc. Chúng nó xác nhận là đồng ý. Một nữ sinh viên được nhóm trẻ chỉ định lên làm “học sinh”. Xin mở ngoặc là đa số sinh viên trong nhóm này đã lập gia đình, có anh chị đã có vài con rồi, chớ không phải một nhóm học sinh quá trẻ.

Ông nhắc chúng đọc chữ “T” là “tê”. Ông lần lượt chỉ từng chữ cái sau đây cho “trò” đọc: N, K, M, H, U, O. M, K, N, H, Ê, A. Đến đây “trò” đọc từng chữ cái ngon lành, rành rọt và cả đám chăm chú theo dõi: “Anh ca em hát u o, Em ca anh hát ê a”..

Nhưng khi ông chỉ thêm các chữ cái: N, R, Q, M, T, T, .. M, R, Q, N, Ê, Ê, O O ..

Cô học trò không chịu đọc tiếp nữa, cứ đứng mím cười, uốn éo. Bên dưới cả bọn cười bò lăn, cười sặc sụa. Có người nhắc to: ai cười phải đóng tiền. Tiếng cười vẫn không dứt. Kết quả, chị thủ quỹ thu được gần \$300.00 (ba trăm) cho quỹ tương trợ. Sau màn cười, còn có

nhiều màn khác, kể cả ca hát, hò, ảo thuật, và... dancing.

Thế là hôm ấy, ngoài việc thưởng thức tài ca hát và nhảy đầm với tất cả sự trẻ trung, vui đùa của nhóm trẻ, chúng tôi còn học được một bài học cao hơn về tiếng lái của thể hệ mới.

Tiếng lóng và tiếng lái đặc biệt

Tôi còn có một câu chuyện về tiếng lái cuối cùng để làm dứt điểm cho bài viết này. Cách đây hơn 30 năm, có một lần tôi dự một buổi đốt lửa trại trên bãi biển Vũng Tàu với các sinh viên Đại học Sư Phạm.

Một trong các đồng nghiệp của tôi lên kể chuyện vui. Chuyện vừa dứt, tiếng vỗ tay vang dội. MC yêu cầu “thầy” kể thêm một chuyện nữa.

Ông ta đồng ý, nhưng nói là đã hết chuyện vui rồi, để ông ta nói chuyện về “tiếng lái”. Rằng lúc kháng chiến chống Pháp, vào thập niên 1940, ông ta chạy giặc dưới vùng Hậu Giang, từ Trà Vinh, Bạc Liêu lên đến Sóc Trăng, Châu Đốc ..., rày đây mai đó, tùy theo tin tức về việc ruồng bỏ của Tây. Trong thời gian ấy, ông học được nhiều cách nói lóng của các em chăn trâu và của những người “liên lạc” cho tin tức về sự di chuyển của Tây. Ông nhớ được vài cách nói lóng hay nói lái sau đây.

Lóng quốc ngữ

Nói lóng bằng cách đọc chữ không có dấu, sau đó mới thêm dấu vào, hoặc nói bằng cách “đánh vần” chớ không nói ngay chữ đó. Thí dụ câu:

“Chi nặng, bay hồi, trâu huyền, bi nặng, thờ ương, cờ ách, đờ ây, hờ ai, ngay huyền”.

Câu đó có nghĩa: “Chị Bảy Trầu bị thương các đây hai ngày”. (Chi nặng = chị; bay hồi = bảy, bi nặng = bị, thờ ương = thương, cờ ách hay c ách = cách, đờ ây hay đ ây = đây, hờ ai hay, hát ai hay h ai = hai, ngay huyền = ngày). Lúc đó tiếng “quốc ngữ” chưa được phổ thông lắm trong nhóm nông dân. Phải biết quốc ngữ giỏi và phải dùng quen lắm mới nghe và hiểu được cách nói lóng này.

Ngoài ra họ còn dùng nhiều cách nói lái khác. Đây là loại “mặt mã”, chỉ có những người đã tập luyện và dùng thường mới hiểu nhau, nhất là khi họ nói nhanh và nói thì thầm với nhau nữa thì nghe giống như họ nói một “thổ ngữ” nào đó

(mới nghe có thể tưởng lầm là tiếng Cam Bốt), chứ không phải tiếng Việt.

Lái lân

Trước hết chúng ta có “lái lân”. Thí dụ hai câu sau đây:

Hỏi: “Màn lây, dân li, dân lâu?”

Trả lời: “Tân lao, dân li, chận lơ, mân lua, bán lanh, vằn lê, ân lãn, chân lơ”

Quý vị có đồng ý là hai câu trên nghe lạ tai và khó hiểu không?

Phân tích ra như sau:

a) “Màn lây, dân li, dân lâu?” là câu lái của:

b) “Mây lân, đi lân, đâu lân?”; bỏ từ “lân” ra chúng ta có câu hỏi:

c) “Mây đi đâu?”.

Lối nói lái bên trên gọi là “lái lân”. Người ta thêm từ “lân” vào mỗi từ trong câu và nói lái lại. Nói khác đi, thay vì hỏi “mây đi đâu?” thì câu hỏi sẽ là “Màn lây dân li dân lâu?”

Cũng dùng một cách phân tích như trên, chúng ta có câu trả lời như sau đây:

a) “Tân lao, dân li, mân lua, bán lanh, vằn lê, ân lãn, chân lơ” là câu lái của:

b) “Tao lân, đi lân, chợ lân, mua lân, bánh lân, về lân, ăn lân chơi lân”.

Bỏ từ “lân” ra chúng ta sẽ có:

c) “Tao đi chợ mua bánh về ăn chơi”.

Lái rận

Kể đến chúng ta có “lái rận” Chỉ cần đổi từ “lân” thành từ “rận”, hai câu trên sẽ thành như sau:

“Màn rậy, dân rị, dân rậu? =

Mây rận, đi rận, đâu rận = mây đi đâu?

“Tân rạo, dân rị, chận rợ, mân rựa, bán rạnh, vằn rệ, ân rận, chân rợ” =

Tao rận, đi rận, chợ rân, mua rận, bánh rận, về rận, ăn rận, chơi rận = “Tao đi chợ mua bánh về ăn chơi.”

Lái phần

Sau hết có “lái phần” Đổi từ lân hay rận ra từ phần. Cũng thí dụ trên chúng ta có:

“Màn phẩy dân phí dân phẩu? = Mây phần, đi phần đâu phần = mây đi đâu?

“Tân pháo, dân phí, chận phớ, mân phúa, bán phánh, vằn phế, ân phần, chân phớ” = Tao phần, đi phần, chợ phần, mua phần, bánh phần, về phần, ăn phần, chơi phần = “Tao đi chợ mua bánh về ăn chơi”

Nói lái giống nói tiếng Cam Bốt

Câu chuyện lịch sử có vẻ lạ, hay và độc đáo. Các sinh viên chăm chú nghe nhưng... không cười, chỉ có vẻ theo dõi câu chuyện. Ông bạn của tôi nói rằng ông sẽ kết thúc câu chuyện của ông bằng cách đố sinh viên biết ông muốn nói gì trong câu sau đây:

A bông, cống trò, kích mây, bằm na, cái tró
Trèo leo, hổ vai, dính chú, lá rây, xả re
Đền lê, bờ thàn, cá ông bùng, cái ông vũng
Cổng xung, đuông xém, ơi chẵn
Ồi rắng, quít sơ mặng mống xe.

Có tiếng nhao nhao lên: thầy nói tiếng Cam Bốt, thầy nói tiếng Lào. Và không ai lên trả lời câu hỏi. Thầy liền “diễn nghĩa” câu nói lái trên như sau:

Ông bà, có trồng, cây mít, ba năm, có trái
Trèo lên, hái vô, vú chín, lấy ra, xả ra
Đền lên, bàn thờ, cúng ông bà, cúng ông vải
Cúng xong, đem xuống, ăn chơi
Ăn rồi, quăng sơ mít mé sông.

Đến đây thì tràng pháo tay vang dậy cho những câu lái của dân Hậu Giang.

Những tiếng lái hay câu lái còn nhiều lắm. Tôi chỉ nhớ bấy nhiêu thôi. Tiếng lái phổ biến lắm, phổ biến hơn chúng ta thường nghĩ.

Những cách hoán chuyển để nói lái

Nói lái hai chữ, ba chữ, và bốn chữ

Người nói lái dùng cách hoán chuyển thật đơn giản các nguyên âm và các dấu, hay các phụ âm những nhóm chữ, thường là hai chữ mà người đó muốn nói lái. Thí dụ: đi chợ = đờ chị (chỉ hoán chuyển âm ơ và âm i); hoặc đi chợ = đờ chi (hoán chuyển cả dấu nặng); trâu đánh = tránh đầu = tranh đấu.

Trường hợp nhóm chữ để lái gồm có ba chữ như “đứng trông hoài” trông lâu quá đến nỗi .. ướt quần (vì đứng trông hoài = đá trong quần.)

Khi láı nhóm ba chữ, chỉ láı có chữ đầu và chữ cuối, giữ nguyên chữ giữa như trường hợp vừa nói.

Trong những băng video Vân Sơn, tôi nhớ có nghe tiếng láı gồm bốn chữ do danh hề Hoài Linh và Vân Sơn dùng: **“Ôm nhiều thì yếu”** vì **“yêu nhiều thì ốm”** (băng video Người Tình Mùa Hạ). Trường hợp láı nhóm bốn chữ này, hai chữ dùng để láı là chữ đầu và chữ cuối, chỉ đổi có dấu sắc nơi chữ “yếu” sang chữ ô, và hoán chuyển hai âm “ôm” và “yêu”. Cả hai về đều có ý nghĩa rất hay, về nọ là tiếng láı của về kia.

Việc nói láı với câu có 4 chữ làm tôi nhớ đến một đồng nghiệp cũ của tôi ở trung học. Vào ngày hội của Hội Ái Hữu của trường trong tháng 09-03 vừa qua, tôi ngồi chung bàn với Anh. Có người nói đùa bằng vài tiếng láı. Anh bạn của tôi cũng tham dự vào. Anh nói là Anh đã vào Saigon từ năm 1952 nên Anh rất là “nặng ký” vì Anh thuộc loại “bắc cồng chín ký”. Nói xong Anh cười xòa và giải thích ngay: **Bắc Kỳ chính cồng** hay Bắc Kỳ cũ là **Bắc cồng “chín ký”**. Chín ký lô phải nặng lắm đấy chứ. (Cả bàn cười xòa vì câu nói láı duyên dáng của Anh).

Trong trường hợp này, âm “y” của chữ thứ hai và âm “ông” của chữ thứ tư cũng như dấu huyền và dấu sắc của hai chữ này được hoán chuyển.

Một anh bạn khác cũng là cựu giáo chức di cư vào Saigon năm 1954. Anh nói anh đã về VN và có nghe nói láı 4 chữ của 3 câu như sau về “quân đội nhân dân” của Trung Hoa trong việc dẹp phong trào dân chủ ở Thiên An Môn, đã được gọi là “quân hại hân dân”:

Quân đội nhân dân là **quân dận nhân đôi**

Quân dận nhân đôi là quân dận nhân hai

Quân dận nhân hai là **quân hại nhân dân**

Đây là loại láı 4 chữ biến dạng vì trong câu thứ hai chữ “đôi” được thay thế bằng từ “hai” đồng nghĩa để ở câu thứ ba có tiếng láı “quân hại nhân dân”. Ai nghĩ ra câu này phải được tôn làm một trong những “sư phụ” về nói láı.

Qua tất cả các phần trên của bài “Nói Láı” chúng ta thấy có rất nhiều cách nói láı, và nhiều dạng tiếng láı.

Có bảy cách hoán chuyển để nói láı

Lúc bắt đầu viết bài này, tôi không nghĩ đến những cách thức hay nguyên tắc hoặc phương thức để nói láı. Nhưng ở phần cuối này tôi nghĩ rằng nên tìm hiểu một cách có hệ thống trong vấn đề hoán chuyển để có tiếng láı, và các ngoại lệ trong việc nói láı.

Dùng 2 chữ tranh đấu làm thí dụ chánh. Phân tích hai chữ này, chúng ta có:

a. Chữ số (1*) “tranh” có phụ âm “tr”, và âm “anh”; trên âm “anh” không có dấu.

b. Chữ số (2*) “đấu” có phụ âm “đ”, và âm “âu”, trên âm “âu” có dấu sắc.

Chúng ta có bảy cách để nói láı.

Trong ba cách đầu, chúng ta giữ y vị trí của hai phụ âm “tr” và “đ” như chữ số (1*) và số (2*).

Cách thứ tư, chúng ta hoán chuyển hai phụ âm đó và giữ y các nguyên âm như số (1*) và (2*).

Cách thứ năm, thứ sáu và thứ bảy lập lại cách một hai và ba (hoán chuyển các nguyên âm và dấu).

Cách thứ nhất. Chỉ hoán chuyển âm “anh” và âm “âu”: Tranh đấu = Trâu đánh

Cách thứ hai. Hoán chuyển vừa âm vừa dấu (âm “anh” và âm “âu”): Tranh đấu = Trầu đánh

Cách thứ ba. Chỉ hoán chuyển dấu mà thôi:

Tranh đấu = Trảnh đầu

Cách thứ tư. Chỉ hoán chuyển những phụ âm đầu “Tr” và “đ”: Tranh đấu = Đanh trầu

Cách thứ năm. Hoán chuyển phụ âm đầu, âm “anh” và âm “âu” (giống cách thứ nhất về âm):

Tranh đấu = Đầu trảnh.

Cách thứ sáu. Hoán chuyển phụ âm, âm có cả dấu (giống cách thứ hai về âm và dấu):

Tranh đấu = Đầu Trảnh

Cách thứ bảy. Hoán chuyển phụ âm, và chỉ hoán chuyển dấu (giống cách thứ ba bên trên):

Tranh đấu = Đảnh trầu

Trong thực tế, chỉ có hai cách đầu hoặc cả cách thứ ba là được dùng nhiều vì dễ hoán chuyển và thuận tai. Khi dùng cách thứ tư thì có nhiều

chữ lái rất khó hiểu và khó lái trở lại. Hơn nữa luật nào hay nguyên tắc, hoặc phương cách nào cũng có ngoại lệ. Việc hoán chuyển các âm, dấu, hoặc phụ âm cũng không tránh khỏi điều này.

Ngoại lệ trong việc hoán chuyển

Ngoại lệ vì âm của tiếng Việt

Phụ âm đứng ở cuối chữ của một số nhóm chữ gồm hai chữ có âm rất gần nhau. Thí dụ những chữ như (nhớ) mang máng, (muối) mằn mằn, ôm óm, đo đở, lạnh lãnh, nhẹ nhẹ, v.v. khó mà nói lái vì âm quá gần nhau.

Thêm vào còn có những nhóm hai chữ đều có cùng dấu sắc nên không thể áp dụng cách thứ ba và cách thứ bảy. Thí dụ hai chữ “thánh thót” nếu dùng cách thứ ba thì vẫn là thánh thót. Cách lái duy nhất của “thánh thót” là “thót thánh” (hoán chuyển vị trí của hai chữ, tức là cách thứ sáu.)

Ngoại lệ vì dấu của tiếng Việt

Kể đến có một số chữ trong tiếng Việt bị giới hạn trong việc để các dấu. Tiếng Việt có 29 chữ cái, gồm 12 nguyên âm và 17 phụ âm chiếc. Thêm vào còn có 11 phụ âm ghép (11). Phụ âm có thể là phần trước hay phần cuối của một chữ. Ở phần cuối của chữ có thể là một trong 5 phụ âm chiếc (c, m, n, p, và t) hoặc một trong 3 phụ âm ghép (ch, ng, nh).

Điểm đặc biệt trong tiếng Việt là các chữ có phụ âm tận cùng “c”, “ch”, “p”, và “t” chỉ đi chung với “dấu sắc” và “dấu nặng” mà thôi. Chúng không thể đi với dấu nào khác. Thí dụ những chữ như: các, thách, pháp, thắt, phước, v.v...

Khi gặp những chữ thuộc loại này, không thể dùng sự hoán chuyển âm và dấu. Thí dụ hai chữ “hoảng hốt” chỉ có cách lái duy nhất là hốt hoảng, không còn cách nào khác để hoán chuyển dấu được. Vì âm “ốt” không nhận “dấu hỏi” được.

Thí dụ khác: Tiếng lái của “hữu phước” bị giới hạn trong hai cách lái thứ ba và thứ tư thôi (lái thành “hước phữu” tức đổi âm có cả dấu; và thành “phữu hước” tức hoán chuyển phụ âm thôi.

Ngoại lệ do cấu trúc khác của tiếng Việt

Ngoài ra, có một lối thay phụ âm khác với 7 cách bên trên vì một đặc điểm khác của nói lái trong tiếng Việt. Theo Giáo Sư Lê Ngọc Trụ (14) khi “dùng lái thuộc hai vận kế cận nhau như vận cần môi (m/p) với vận cần nứu (n/t), hoặc vận cần ‘cúa’ (nh/ch) và vận cần ‘màng của’ (ng/c) thì các vận ấy có thể thay đổi lẫn nhau”.

Nói khác đi “m” có thể hoán chuyển với “n”; “p” với “t”; “nh” với “ng”; và “ch” với “c”. GS có cho thí dụ hai chữ “thiệt tâm”. Chúng ta có thể dùng một trong những cách bên trên để lái thành “thâm tiet” (cách thứ tư). Nhưng cũng có thể dùng đặc điểm vừa nói để có tiếng lái là “thập tiên” với “p” và “n” ở cuối trong khi không có hai phụ âm ấy trong phần cuối của hai chữ đầu là “thiệt tâm”

Ngoại lệ vì đọc theo giọng đọc địa phương

Vì nói lái là nói lóng để cười chơi nên đôi khi tiếng lái phải đổi theo giọng đọc (sai) của một địa phương, hoặc đọc trại mới có nghĩa và cười được. Thí dụ: Sang giàu = sao vàng; giáo chức = dứt cháo . Tiếng lái sau tả tình trạng nghèo khổ của giáo chức đến nỗi phải chấm dứt cả việc ăn cháo (lẽ ra là giức cháo nếu lái đúng, nhưng không có nghĩa). Bên trên cũng đã có nhiều giai thoại mà tiếng lái thuộc vào loại đọc trại này, hoặc chữ lái viết sai chánh tả nhưng vẫn có nghĩa.

Nguyên âm c và k cũng được dùng lẫn lộn miễn có âm đọc thuận tai cười vui. Thí dụ: lộng kiến = liệng cống.

Tóm lại, ngoài một số chữ thuộc các ngoại lệ trên, chúng ta có thể dùng cách hoán chuyển đơn giản các âm và các dấu để nói lái một nhóm chữ gồm có hai, ba, hoặc bốn chữ.

Nhưng tiếng lái được coi như hay là những tiếng lái có nghĩa.

Trở về thí dụ cũ: Chợ Thủ Đức năm canh thức đủ. Hoặc thí dụ về hai chữ tranh đấu = trâu đánh = tránh đầu. Những tiếng lái này được xem là hay vì chữ nguyên gốc và chữ lái đều có nghĩa.

Có người nói đùa: Tranh đấu để khỏi bị trâu đánh; nhưng bị trâu đánh thì biết tránh đầu, vì vậy lúc nào cũng phải đấu tranh để khỏi bị trâu đánh. Từ “anh sáu” cũng có thể nói lái vòng

vòng: Anh sáu = áo (s)xanh = ánh (x)sao = ao
sánh = anh sáu(o).

Mục đích của nói lái là cười vui thoải mái, nên
đầu tiếng lái có vô nghĩa, hay sai chính tả vì tính
cách địa phương, hay vì âm cần có nghĩa, bà
con vẫn xí xóa, và cười xòa.

Chỉ có Việt Nam nói lái ?

Giai thoại về nói lái của người Tàu

Keneth Đăng Quang (4) viết rằng trong sách
“Vân Đài Loại Ngữ” Lê Quý Đôn cho biết rằng
người Trung Hoa (TH) cũng có nói lái, vì rằng
trong sách “Dậu Dương Tập Trữ” của Đoàn
Thanh Thu có chép:

*“Lý Bá Linh sai em đi lấy 100 học gạo ở Kinh Hà
đã quá kỳ mà không thấy về. Lý Bá Linh lại
nằm mộng thấy ‘Tây Bạch Mã’ nghĩa là tấm con
ngựa trắng; bèn đến hỏi Ông Lý Bá Thành, và
được đoán giải như sau: Tây Bạch Mã nói lái là
Tả Bạch Mã, có nghĩa là gạo trắng chảy đổ
xuống, như vậy là có chuyện lo ngại về sóng gió
chăng? Vài ngày, người em về đến quả nhiên
nói ghe gạo bị lật úp ở sông Vị.”*

Keneth Đăng Quang còn có ghi thêm một giai
thoại khác về chuyện người TH nói lái:

*“Sách ‘Tập Dị Ký’ chép: Trương Dật chiêm bao
thấy người ta bảo ‘Nhiêm Điều Giá Tướng’
(nghĩa là Ông Nhiêm Điều được trao chức Tế
Tướng). Ông suy nghĩ hết họ nội ngoại không ai
có tên Nhiêm Điều. Cháu của Ông là Lý Thông
nói lái Nhiêm Điều là Nhiêu Diêm, nghĩa là ngọt
nhiều. Ngọt nhiều thì chỉ có Cam Thảo, mà Cam
Thảo là loại trân dược (loại thuốc quý). Trân
Dược nói lái là Trương Dật, tức tên của Ông
Cậu. Được ít lâu, Vua phong Trương Dật làm
Tế Tướng.”*

Thú thật khi đọc hai giai thoại bên trên, tôi rất
phân vân, không biết thật sự người TH có nói lái
không, vì những từ trên đều là tiếng HV. Và lại
làm sao tìm được hai quyển sách ‘Dậu Dương
Tập Trữ’ và ‘Tập Dị Ký’. Mà tìm được lại không
đọc được mới làm sao đây.

Tôi rất muốn có dịp được gặp Ông Keneth Đăng
Quang để học hỏi thêm về chuyện người TH nói
lái. Trong lúc tôi còn đang có nhiều thắc mắc về
vấn đề này thì có một sự kiện khác xảy ra, xác

nhận lời Ông Keneth Đăng Quang là đúng:
Người TH cũng nói lái.

Người Tàu nói lái có hệ thống trong tự điển

Số là cách đây vài ngày (cuối tháng 10 năm
2003) tôi có nhận được cuốn Tầm Nguyên Tự
Điển Việt Nam, tác giả là Giáo Sư Lê Ngọc Trụ
(cựu giáo sư ở Đại Học Văn Khoa và Đại Học
Sư Phạm Saigon trước 1975). Tác giả viết xong
quyển Tự Điển này vào năm 1974, nhưng chưa
có cơ hội xuất bản trước tháng tư.

Sau đó tác giả giao việc hiệu đính và xuất bản
cho ái nữ của Ông là Lê Kim Ngọc Tuyết và
người cháu kêu bằng cậu ruột là ông Trần
Thượng Thủ. Vì nhiều lý do khác nhau, mãi đến
năm 1993 quyển này mới được xuất bản ở
Saigon. Và 10 năm sau tôi mới có cái may nhận
được quyển này. Tôi gọi là may mắn vì trong
tài liệu này có nói đến nói lái. Quyển này do ông
Trần Thượng Thủ, thầy dạy Lý Hóa của tôi ở
Petrus Ký trong những năm đầu thập niên 1950,
gởi tặng .

Theo GS Lê Ngọc Trụ, người TH dùng lối nói lái
một cách có hệ thống. “Trong tự điển Trung
Hoa, lối nói lái được áp dụng trong phương
pháp phiên thiết để đọc chữ Hán.” Giáo sư cho
biết:

*“Chữ Hán là chữ biểu ý, không thể căn cứ vào
mặt chữ mà phát âm. Người ta phải dùng lối
mượn hai chữ để thiết: lấy phần âm khởi đầu
của chữ thứ nhất ráp với phần vận của tiếng thứ
nhì, hoặc nói lái hai tiếng ấy.”*

GS cho thí dụ sau đây: Thí dụ chữ “thao” sẽ có
ký âm thái và bao. “Lấy âm khởi đầu của thái là
th ráp với vận ao (của bao) là được th + ao =
thao, tiếng kết quả.” Thí dụ 2 để đọc chữ “tiên”
thì dùng hai chữ ký âm tô và tiên. “Tô tiên lái
thành tiên tô. Tiếng kết quả sẽ là tiên.”

(Chú thích của tôi: sau các chữ thao, thái, bao,
tiên, tô, và tiên, GS có viết thêm chữ Hán để
cho thấy rõ. Nhưng computer của tôi không có
fonts Hán nên không thể nào ghi lại để diễn tả
đúng như ý muốn của GS Trụ. Tuy nhiên tôi
nghĩ rằng đa số chúng ta không đọc được Hán
tự nên thiếu phần này chắc quý bạn cũng “bỏ
qua” cho).

Cũng theo GS Trụ, nhờ lối phiên thiết này mà chúng ta đã mượn rất nhiều tiếng Hán Việt làm thành tiếng Việt của ta. Do đó muốn tìm chữ nguyên gốc của một số tiếng Việt do gốc Hán Việt mà ra, thì lối phiên thiết này thật là hữu ích.

Nói khác đi, theo GS Trụ: *“Lối nói lái này giúp ta viết đúng chính tả, nhất là giúp ta hiểu và truy tầm tự nguyên.”*

Tuy người Tàu có hệ thống tiếng lái trong cách phiên âm, nhưng không nghe các bạn người Tàu nói lái trong câu chuyện hằng ngày như kiểu VN.

Bạn nào muốn biết thêm về những biến thể của tiếng Hán Việt sang tiếng Việt và các qui luật của biến thể, cùng những loại biến thể khác của tiếng Việt từ các nguyên ngữ xin đọc phần DẪN (trang 1 đến trang 68) trong quyển Tầm Nguyên Tự Điển Việt Nam.

Phản Kết

Nói lái là một đặc điểm độc đáo trong tiếng Việt. Tiếng lái của Việt Nam xuất hiện đầy đó trong sách vở, video, báo chí, tạp chí v.v... với văn viết, trong các tiệc tùng họp bạn, họp hội đoàn, mừng sinh nhật hay đám hỏi, đám cưới v.v... với văn truyền khẩu.

Từ giới trẻ đến giới lão nhân, nam và nữ, từ Bắc chí Nam, quốc nội sang hải ngoại, từ ngày xưa đến ngày nay, có thanh có tục nhưng ẩn che một cách khéo léo. Sự phong phú và tính cách đa dạng của tiếng Việt qua tiếng lái đã, đang, và sẽ được sử dụng đều đều trong các câu chuyện vui để giúp cho cuộc sống thoải mái hơn.

Tài Liệu tham khảo:

1. Công Tử Hà Đông (2002) “Mã Qui, Qui Mã”. Giai Phẩm Xuân Nhâm Ngọ, Người Việt, Westminster; “Sài Gòn Tạp Pín Lù”, Nhật Báo Người Việt, số 6075, July 26, 02, Westminster California.
2. Đại Ngu (2002). “Nói Lái” Nội San Được Sĩ, Montreal, Canada.
3. Huy Phương (2003). “Nói Lái Mà Chơi”, Hương Văn, Westminster, California.
4. Đặng Quang, Kenneth (2003). “Nói Lái” Tập San Quốc Gia Hành Chánh, Nam California.
5. Lãng Nhân (1993). Chơi Chữ. Nxb Zieleks Co. Pearland, Texas.
6. Nam San (2002). “hột Ngọc”, Đặc San Tiền Giang Hậu Giang, California.
7. Nguyễn Đại Hùng (1998). Lại Giang. (Đặc San). Fountain Valley, California.
8. Nguyễn Ngọc Huy (1998). Tên Họ Người Việt Nam. Nxb Mekong Tynan, San Jose, California.
9. Phụng Nghi (1999). 100 nam Phát Triển Tiếng Việt. Nxb Văn Nghệ, California.
10. Trà Lũ (1993). Miền Đất Hứa. Nxb Làng Văn, Toronto, Canada.
11. Tu Dinh, Vo Cao (2003). Văn Phạm và Ngôn Ngữ Việt Nam, SEACAFF, Huntington Beach, California.
12. Vân Sơn Video 3 (1996). Westminster, California.
13. Vương Hồng Sển (1995). Hơn Nửa Đời Hư. nxb Văn Nghệ, California.
14. Lê Ngọc Trụ (1993). Tầm Nguyên Tự Điển Viet Nam. Thành Phố HCM, Viet Nam